

(Tiếp theo Công báo số 419 + 420)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NAM (PHƯỜNG TÂN PHÚ)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		22.300
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
57	GỖ Ô MÔI	TRỌN ĐƯỜNG		24.300
58	HOÀNG QUỐC VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
59	HUỖNH TÂN PHÁT	CẦU TÂN THUẬN	NGUYỄN THỊ THẬP	51.500
		NGUYỄN THỊ THẬP	CẦU PHÚ XUÂN	41.700
60	LÂM VĂN BÈN	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
61	LÊ VĂN LƯƠNG	TRẦN XUÂN SOẠN	CẦU RẠCH BÀNG	40.500
		CẦU RẠCH BÀNG	CẦU RẠCH ĐĨA	31.200
62	LƯU TRỌNG LƯ	HUỖNH TÂN PHÁT	KHO 18	28.400
63	LÝ PHỤC MAN	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
64	MAI VĂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
65	NGUYỄN HỮU THỌ	CẦU KÊNH TÊ	BỜ SÔNG RẠCH ĐĨA	43.000
66	NGUYỄN THỊ THẬP	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
67	NGUYỄN VĂN LINH	HUỖNH TÂN PHÁT	RẠCH THẦY TIÊU	56.700
		RẠCH THẦY TIÊU	LÊ VĂN LƯƠNG	72.900
		LÊ VĂN LƯƠNG	RẠCH ÔNG LỚN	48.600
68	NGUYỄN VĂN QUỖ	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
69	PHẠM HỮU LẦU	TRỌN ĐƯỜNG		23.500
70	PHAN HUY THỰC	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
71	TÂN MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
72	TÂN THUẬN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
73	TRẦN TRỌNG CUNG	HUỖNH TÂN PHÁT	NGUYỄN VĂN QUỖ	36.500
74	TRẦN VĂN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.800
75	TRẦN XUÂN SOẠN	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
76	BERTRAND RUSSELL (CR.2102+C22102)	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
77	BÙI BÀNG ĐOÀN (BẮC PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		75.000
78	CAO TRIỀU PHÁT (R.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		83.100
79	ĐẶNG ĐẠI ĐỒ (R.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
80	ĐẶNG ĐỨC THUẬT (H.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
81	ĐỖ ĐỐC TUYẾT (CN.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
82	ĐƯỜNG 10	TRỌN ĐƯỜNG		62.800
83	ĐƯỜNG 15	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
84	ĐƯỜNG 16	TRỌN ĐƯỜNG		58.800
85	ĐƯỜNG 17	TRỌN ĐƯỜNG		62.800
86	ĐƯỜNG 18	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
87	ĐƯỜNG 19	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
88	ĐƯỜNG 2	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
89	ĐƯỜNG 20	TRỌN ĐƯỜNG		64.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
90	ĐƯỜNG 21	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
91	ĐƯỜNG 22	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
92	ĐƯỜNG 23	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
93	ĐƯỜNG 6	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
94	ĐƯỜNG B	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÀ	52.700
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	44.600
95	ĐƯỜNG C	HOÀNG VĂN THÁI	RACH CẢ CẨM	66.900
		RACH CẢ CẨM	ĐƯỜNG 23	52.700
96	ĐƯỜNG D	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÀ	52.700
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	44.600
97	ĐƯỜNG G	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
98	ĐƯỜNG N	TRẦN VĂN TRÀ	TÔN DẬT TIỀN	56.700
		NGUYỄN VĂN LINH	NGUYỄN ĐỒNG CHI	72.900
99	ĐƯỜNG O	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
100	ĐƯỜNG P	NGUYỄN VĂN LINH	HÀ HUY TẬP	64.800
		ĐƯỜNG 10	TRẦN VĂN TRÀ	70.900
101	ĐƯỜNG U	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
102	HÀ HUY TẬP (H.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
103	HOÀNG VĂN THÁI (CR.2101+C.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
104	HÙNG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
105	LÊ VĂN THỀM (R.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
106	LUTHER KING (CR.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
107	LÝ LONG TƯỜNG (H.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		79.000
108	MORISON (CR.2103+C.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		79.000
109	NGUYỄN BÌNH (H.2109)	TRỌN ĐƯỜNG		79.000
110	NGUYỄN CAO (R.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		79.000
111	NGUYỄN ĐỨC CẢNH (NAM PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
112	NGUYỄN ĐỒNG CHI	RACH KÍCH	PHAN VĂN NGHỊ	77.000
		PHAN VĂN NGHỊ	ĐƯỜNG N (BẮC)	79.000
		ĐƯỜNG N (BẮC)	NGUYỄN LƯƠNG BĂNG	77.000
113	NGUYỄN KHẮC VIỆN (C.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
114	NGUYỄN LƯƠNG BĂNG (BROAD WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		85.100
115	NGUYỄN PHAN CHÁNH (H.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		85.100
116	PHẠM THÁI BƯỜNG (H.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		89.100
117	PHẠM THIỀU (CR.2104+C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
118	PHẠM VĂN NGHỊ (H.2108)	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
119	PHAN KIỆM ÍCH (R.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
120	PHAN VĂN CHƯƠNG (R.2107)	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
121	PHỐ TIỀU BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		85.100
122	PHỐ TIỀU ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
123	PHỐ TIỀU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
124	RAYMONDIENNE (C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		89.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
125	TÂN PHÚ (C.2109)	NGUYỄN VĂN LINH	CẦU CÀ CẨM 1	101.300
		CẦU CÀ CẨM 1	ĐƯỜNG 23	89.100
126	TÂN TRÀO (MARKET STREET)	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
127	TÔN DẬT TIỀN (CR.2105)	NGUYỄN VĂN LINH	TRẦN VĂN TRẢ	89.100
128	TRẦN VĂN TRẢ (C.2401+C.2404 ROI RIVER DRIVE)	TÂN PHÚ	PHAN VĂN CHƯƠNG	72.900
		ĐỒ ĐỘC TUYẾT	TÔN DẬT TIỀN	72.900
129	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU PHÚ MỸ HƯNG	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
130	LÊ THỊ CHỢ	HUỖNH TẤN PHÁT	ĐÀO TRÍ	30.400
131	NGÔ THỊ NHẬN	TÂN MỸ	NGÔ THỊ XIÊU	28.400
132	ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ PHÍA NAM RẠCH BÀ BUỐM (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $< 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
133	KHU DÂN CƯ DVC1 QUẬN 4 (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $< 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
134	KHU DÂN CƯ ADC (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $< 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
135	KHU DÂN CƯ X51 (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $< 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
136	KHU DÂN CƯ CITY LAND (PHƯỜNG TÂN PHÚ)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $< 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
137	ĐƯỜNG VÀO SÂN VẬN ĐỘNG	HOÀNG QUỐC VIỆT	SÂN VẬN ĐỘNG QUẬN 7	22.300
138	LIÊN CẢNG A 5	BẾN NGHÉ	CUỐI ĐƯỜNG	16.200
139	HOÀNG TRỌNG MẬU	ĐƯỜNG D4	ĐƯỜNG SỐ 18 KHU HIM LAM	32.400
140	CAO THỊ CHÍNH	ĐƯỜNG N5	CUỐI ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH KHU DÂN CƯ ĐÀO CHIẾN THẮNG	24.300
141	PHẠM THỊ BA (BỒ SUNG MỚI)	TRỌN ĐƯỜNG		24.300
142	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN THUẬN TÂY (BỒ SUNG MỚI)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $< 16M$	TRỌN ĐƯỜNG		32.400

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THUỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 8**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	CÁNG PHÚ ĐÌNH	CẦU MỸ THUẬN	36.500
2	ẤU DƯƠNG LÂN	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
3	BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
4	BẾN CÁN GIUỘC	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
5	PHÚ ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		30.000
6	XÓM CÚI	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
7	BẾN Ụ CÂY	CẦU CHÁNH HƯNG	CẦU PHÁT TRIỂN	27.600
8	BÌNH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG (PHƯỜNG 11)	CẦU CHÀ VÀ	24.700
9	BÌNH ĐÔNG	CẦU CHÀ VÀ	CẦU SỐ 1	45.400
10	BÌNH ĐÔNG	CẦU SỐ 1	CẦU VINH MẬU	22.300
11	BÌNH ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
12	BÔNG SAO	PHẠM THÊ HIỂN	BÙI MINH TRỰC	36.500
13	BÔNG SAO	BÙI MINH TRỰC	TẠ QUANG BỬU	38.500
14	BÙI HUY BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		28.000
15	BÙI MINH TRỰC	BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	34.900
16	BÙI MINH TRỰC	QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
17	CÂY SUNG	TRỌN ĐƯỜNG		21.500
18	CAO LỖ	PHẠM THÊ HIỂN	CUỐI ĐƯỜNG	37.300
19	CAO XUÂN DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		39.200
20	CÁC ĐƯỜNG LỘ TRONG KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 9, 10	TRỌN ĐƯỜNG		24.300
21	CÁC ĐƯỜNG SỐ CHẴN PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
22	CÁC ĐƯỜNG SỐ LẺ PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
23	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI ≥ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI BẢO THANH NIÊN PHƯỜNG 1	TRỌN ĐƯỜNG		30.000
24	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI < 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI BẢO THANH NIÊN PHƯỜNG 1	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
25	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI < 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 4	TRỌN ĐƯỜNG		26.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 4	TRỌN ĐƯỜNG		30.000
27	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $<$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 5	TRỌN ĐƯỜNG		41.500
28	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 5	TRỌN ĐƯỜNG		46.000
29	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $<$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 6	TRỌN ĐƯỜNG		23.900
30	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 6	TRỌN ĐƯỜNG		28.800
31	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $<$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 7	TRỌN ĐƯỜNG		26.500
32	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 7	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
33	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\geq$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 16	TRỌN ĐƯỜNG		37.000
34	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $<$ 12M TRONG KHU DÂN CƯ MỖI PHƯỜNG 16	TRỌN ĐƯỜNG		32.500
35	ĐA NAM	TRỌN ĐƯỜNG		43.000
36	DÃ TƯỞNG	TRỌN ĐƯỜNG		33.200
37	DƯƠNG BÁ TRẠC	PHẠM THẾ HIỂN	CẦU SÔNG XÁNG	80.200
38	DƯƠNG BÁ TRẠC	TRƯỜNG RẠCH ÔNG	CẢNG PHƯỜNG 1	50.200
39	ĐẶNG CHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
40	ĐÀO CAM MỘC	TRỌN ĐƯỜNG		30.400
41	ĐẠI LỘ VỎ VẦN KIẾT (ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY cũ)	TRỌN ĐƯỜNG		39.300
42	ĐÌNH AN TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
43	ĐÌNH HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
44	ĐÔNG HỒ (ĐƯỜNG SỐ 11)	TRỌN ĐƯỜNG		31.600
45	DƯƠNG QUANG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		42.600
46	DƯƠNG BẠCH MAI	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
47	HOÀNG NGÂN	AN DƯƠNG VƯƠNG	PHÚ ĐÌNH	38.100
48	PHẠM ĐỨC SƠN	ĐƯỜNG SỐ 41	TRƯỜNG ĐÌNH HỘI	38.100
49	LÊ BÔI	PHẠM THẾ HIỂN	TRỊNH QUANG NGHỊ	24.300
50	ĐƯỜNG SỐ 111 (P9)	TRỌN ĐƯỜNG		26.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ PHÚ LỢI			13.000
52	ĐƯỜNG VEN SÔNG XÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
53	HỒ HỌC LÃM	TRỌN ĐƯỜNG		23.500
54	HOÀNG MINH ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
55	HÙNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
56	HOÀI THANH	TRỌN ĐƯỜNG		25.500
57	HOÀNG ĐẠO THUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
58	HOÀNG SĨ KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		17.400
59	HUỲNH THỊ PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
60	LÊ QUANG KIM	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
61	LÊ THÀNH PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.600
62	LƯƠNG NGỌC QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
63	LƯƠNG VĂN CAN	TRỌN ĐƯỜNG		21.500
64	LƯU HỮU PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		22.300
65	LƯU QUÝ KỲ	TRỌN ĐƯỜNG		26.200
66	LÝ ĐẠO THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		24.300
67	MẠC VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		23.500
68	MAI HẮC ĐẾ	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
69	MAI AM	TRỌN ĐƯỜNG		19.100
20	MỄ CỐC	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
71	NGÔ SĨ LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		27.600
72	NGUYỄN CHÉ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		43.400
73	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		37.300
74	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		19.500
75	NGUYỄN NHƯỢC THỊ	TRỌN ĐƯỜNG		17.400
76	NGUYỄN QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		25.500
77	NGUYỄN SĨ CỎ	TRỌN ĐƯỜNG		19.500
78	NGUYỄN THỊ TÀN	TRỌN ĐƯỜNG		61.600
79	NGUYỄN VĂN CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		38.100
80	NGUYỄN VĂN LINH	ĐOẠN QUẬN 8		26.400
81	PHẠM HÙNG (P4, P5)	PHẠM THẾ HIỂN	CHÂN CẦU CHANH HUNG	42.600
		CHÂN CẦU CHÁNH HUNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	46.600
82	PHẠM HÙNG (P9, P10)	BÀ ĐÌNH	HÙNG PHÚ	42.600
		HÙNG PHÚ	NGUYỄN DUY	42.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
83	PHẠM THẾ HIẾN	CẦU RẠCH ÔNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	49.800
		CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	CẦU BÀ TÀNG	37.300
		CẦU BÀ TÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	28.400
84	PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		39.300
85	QUỐC LỘ 50	PHẠM THẾ HIẾN	CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	34.700
		CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	45.000
86	RẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
87	RẠCH CỪNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
88	RẠCH LÔNG ĐÈN	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
89	TẠ QUANG BỬU	CẢNG PHƯỜNG 1	DƯƠNG BÁ TRẠC	34.900
		DƯƠNG BÁ TRẠC	ÂU DƯƠNG LÂN	34.900
		ÂU DƯƠNG LÂN	PHẠM HÙNG	45.000
		PHẠM HÙNG	BÔNG SAO(1011)	56.700
		BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	45.400
		QUỐC LỘ 50	RẠCH BÀ TÀNG	35.300
90	TRẦN NGUYỄN HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		38.100
91	TRẦN VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		28.800
92	TRỊNH QUANG NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
93	TRƯƠNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		30.400
94	TÙNG THIÊN VƯƠNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG (2 BÊN HÔNG CẦU)	NGUYỄN VĂN CỬA	45.300
		NGUYỄN VĂN CỬA	ĐÌNH HOÀ	58.800
		ĐÌNH HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	47.500
95	TUY LỸ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		39.300
96	ƯU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		30.400
97	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		37.700
98	VĨNH NAM	TRỌN ĐƯỜNG		32.000
99	VÔ TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		42.600
100	BÙI ĐIỀN	HỒ THÀNH BIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
101	CHÂU THỊ HÒA	ĐƯỜNG SỐ 783 TẠ QUANG BỬU	CAO LÔ	30.500
102	ĐẶNG THỨC LIẾNG	ĐỖ NGỌC QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
103	ĐỖ NGỌC QUANG	PHẠM THẾ HIẾN	HỒ THÀNH BIÊN	27.600
104	HỒ THÀNH BIÊN	PHẠM HÙNG	RẠCH ĐU	30.500
105	HOÀNG KIM GIAO	PHẠM HÙNG	BẠCH MAI	29.600
106	LÊ NINH	HUYỄN THỊ PHỤNG	ĐƯỜNG SỐ 31	30.400
107	LÊ QUYÊN	DƯƠNG QUANG ĐÔNG	ĐÔNG HỒ	38.500
108	NGUYỄN ĐỨC NGŨ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐÔNG HỒ	30.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
109	NGUYỄN THỊ MƯỜI	ĐƯỜNG SỐ 783 TẠ QUANG BỬU	CAO LÔ	29.600
110	PHẠM NHỮ TĂNG	TẠ QUANG BỬU	TRẦN THỊ NGÔI	29.600
111	PHẠM THỊ TÁNH	ĐƯỜNG SỐ 783 TẠ QUANG BỬU	CAO LÔ	30.000
112	QUẢN TRỌNG LINH	NGUYỄN VĂN LINH	SÔNG CẦN GIUỘC	26.400
113	TÁM DANH	BÙI ĐIỀN	HÈM LÔ ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	27.600
114	TRẦN THỊ NƠI	ĐƯỜNG SỐ 715 TẠ QUANG BỬU	CAO LÔ	30.000
115	TRẦN THỊ NGÔI	ĐƯỜNG SỐ 715 TẠ QUANG BỬU	CAO LÔ	30.000
116	THANH LOAN	PHẠM HÙNG	DƯƠNG QUANG ĐÔNG	30.000
117	VÔ LIÊM SƠN	TẠ QUANG BỬU	TRẦN THỊ NGÔI	30.000

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 10**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	BÀ HẠT	NGÕ GIA TỰ	NGUYỄN KIM	75.100
2	BA VÌ	TRỌN ĐƯỜNG		56.900
3	BẠCH MÃ	TRỌN ĐƯỜNG		52.300
4	BỮU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		52.300
5	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	ĐỒNG NAI	66.800
		ĐỒNG NAI	LÝ THƯỜNG KIỆT	76.700
6	CAO THĂNG	ĐIỆN BIÊN PHỦ	3 THÁNG 2	122.900
		3 THÁNG 2	HOÀNG DŨ KHƯƠNG	107.200
7	NGUYỄN GIẢN THANH	TRỌN ĐƯỜNG		57.000
8	CÁCH MẠNG THÁNG 8	3 THÁNG 2	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	110.300
9	CHẤU THỜI	TRỌN ĐƯỜNG		48.100
10	CỬU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		54.800
11	ĐIỆN BIÊN PHỦ	NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	NGÃ 3 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	114.400
12	ĐỒNG NAI	TRỌN ĐƯỜNG		69.400
13	ĐÀO DUY TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		77.900
14	3 THÁNG 2	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	120.500
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	LÊ HỒNG PHONG	133.900
		LÊ HỒNG PHONG	NGÃ 6 CÔNG TRƯỜNG DÂN CHỦ	147.200
15	HỒ BÁ KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		59.100
16	HỒ THỊ KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		53.600
17	HỒNG LĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		52.300
18	HÙNG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		46.700
19	HÒA HẢO	NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIỆT	71.200
		TRẦN NHÂN TÔN	NGÕ QUYÊN	71.200
20	HÒA HƯNG	TRỌN ĐƯỜNG		53.600
21	HOÀNG DŨ KHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		60.200
22	HƯƠNG GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		60.000
23	HÙNG VƯƠNG	LÝ THÁI TÔ	NGUYỄN CHÍ THANH	107.500
24	LÊ HỒNG PHONG	KỶ HÒA	3 THÁNG 2	97.000
		3 THÁNG 2	NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	110.500
		NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	HÙNG VƯƠNG	100.400
25	LÝ THÁI TÔ	3 THÁNG 2	NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	100.400
		NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	HÙNG VƯƠNG	105.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN CHÍ THANH	RANH QUẬN TÂN BÌNH	120.500
27	NGÔ GIA TỰ	NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	NGÃ 6	125.900
28	NGÔ QUYÊN	3 THÁNG 2	NGUYỄN CHÍ THANH	84.900
29	NGUYỄN NGỌC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		53.600
30	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	108.400
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	HÙNG VƯƠNG	103.500
31	NGUYỄN DUY DƯƠNG	BÀ HẠT	NGUYỄN CHÍ THANH	78.700
32	NGUYỄN KIM	3 THÁNG 2	NGUYỄN CHÍ THANH	86.300
33	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		76.100
34	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	NGÃ 6 DÂN CHỦ	ĐIỆN BIÊN PHỦ	83.600
35	NGUYỄN TIÊU LA	3 THÁNG 2	HÒA HẢO	73.700
		ĐÀO DUY TỬ	NGUYỄN CHÍ THANH	73.700
36	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	3 THÁNG 2	NGUYỄN CHÍ THANH	113.200
37	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	80.300
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	CHUNG CƯ AN QUANG	66.900
38	SƯ VẠN HẠNH	TÔ HIỂN THÀNH	3 THÁNG 2	95.500
		3 THÁNG 2	NGÔ GIA TỰ	89.500
		NGÔ GIA TỰ	NGUYỄN CHÍ THANH	77.500
39	TAM ĐẢO	TRỌN ĐƯỜNG		56.900
40	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGÔ QUYÊN	75.600
41	THẤT SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		65.300
42	THÀNH THÁI	3 THÁNG 2	TÔ HIỂN THÀNH	105.900
		TÔ HIỂN THÀNH	BẮC HẢI	133.900
43	TÔ HIỂN THÀNH	LÝ THƯỜNG KIẾT	THÀNH THÁI	104.700
		THÀNH THÁI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	120.500
44	TRẦN BÌNH TRỌNG	HÙNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	41.800
45	TRẦN MINH QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		69.400
46	TRẦN NHÂN TÔN	NGÔ GIA TỰ	HÙNG VƯƠNG	66.900
47	TRẦN THIỆN CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		80.300
48	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		83.500
49	VĨNH VIỄN	LÊ HỒNG PHONG	NGUYỄN LÂM	65.600
		NGUYỄN LÂM	NGUYỄN KIM	50.500
		NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIẾT	64.100
50	DƯƠNG QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		93.400

BẢNG 10
BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 11

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ÂU CƠ	BÌNH THỜI	RANH QUẬN TÂN BÌNH	77.800
2	BÌNH DƯƠNG THI XÃ	ÂU CƠ	ÔNG ÍCH KHIÊM	38.900
3	BÌNH THỜI	LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	72.900
		MINH PHỤNG	LẠC LONG QUÂN	68.000
4	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ LỮ GIA			61.000
5	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		55.900
6	ĐẶNG MINH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		74.800
7	ĐÀO NGUYỄN PHỐ	TRỌN ĐƯỜNG		75.100
8	ĐỖ NGỌC THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		76.400
9	ĐỘI CUNG (QUÂN SỰ CŨ)	MINH PHỤNG	LÃNH BINH THẮNG	54.700
		LÃNH BINH THẮNG	NHÀ SỐ 63 ĐỘI CUNG	42.100
		61 ĐỘI CUNG	BÌNH THỜI	54.700
10	ĐƯỜNG 100 BÌNH THỜI	BÌNH THỜI	HÈM 86 ÔNG ÍCH KHIÊM	46.200
11	ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	74.800
12	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	109.400
		LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	109.400
13	ĐƯỜNG 702 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	DỰ PHÓNG	48.600
14	ĐƯỜNG 762 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	LẠC LONG QUÂN (NỔI DÀI)	43.700
15	ĐƯỜNG SỐ 2 CƯ XÁ LỮ GIA	ĐƯỜNG 52 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	92.100
16	ĐƯỜNG SỐ 3 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	92.100
17	ĐƯỜNG SỐ 2, 5, 9	CƯ XÁ BÌNH THỜI		71.500
18	ĐƯỜNG SỐ 3, 7	CƯ XÁ BÌNH THỜI		71.500
19	ĐƯỜNG SỐ 3A	CƯ XÁ BÌNH THỜI		58.300

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20	ĐƯỜNG SỐ 4,6,8	CƯ XÁ BÌNH THỜI		58.300
21	ĐƯỜNG SỐ 5A	CƯ XÁ BÌNH THỜI		58.300
22	ĐƯỜNG SỐ 7A	CƯ XÁ BÌNH THỜI		58.300
23	DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
24	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		82.600
25	HÀ TÔN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		82.600
26	HÀN HẢI NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		85.600
27	HÀN HẢI NGUYỄN (NÓI DÀI)	PHÚ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	63.200
28	HÔNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	TÂN HÓA	85.000
29	HOÀNG ĐỨC TƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		67.800
30	HÒA BÌNH	LẠC LONG QUÂN	RANH QUẬN TAN PHÚ	77.800
31	HÒA HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
32	HUYỆN TOẠI	TRỌN ĐƯỜNG		46.200
33	KHUÔNG VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
34	LẠC LONG QUÂN	LẠC LONG QUAN (NÓI DÀI)	HÒA BÌNH	77.800
		HÒA BÌNH	ẬU CƠ	82.600
35	LẠC LONG QUÂN (NÓI DÀI)	TRỌN ĐƯỜNG		58.300
36	LÃNH BINH THẮNG	ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỜI	86.000
37	LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN CHÍ THANH	ĐƯỜNG 3/2	95.600
		ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỜI	121.500
38	LÊ THỊ BẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		57.800
39	LÊ TUNG	TRỌN ĐƯỜNG		35.000
40	LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN THỊ NHỎ	126.400
41	LÒ SIÊU	QUÂN SỰ	ĐƯỜNG 3/2	56.200
		ĐƯỜNG 3/2	HÔNG BÀNG	72.900
42	LÝ NAM ĐẾ	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	82.600
43	LÝ THƯỜNG KIẾT	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN CHÍ THANH	126.400
44	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		87.500
45	NGUYỄN BÁ HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		67.800

3

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	108.400
		LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	94.500
		NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	72.900
47	NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	79.000
48	NGUYỄN THỊ NHỎ (NÓI DÀI)	BÌNH THỜI	THIÊN PHƯỚC	63.200
49	NGUYỄN VĂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		46.200
50	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	77.000
		LÝ NAM ĐẾ	CUỐI ĐƯỜNG	64.100
51	PHỐ CƠ ĐIỀU	TRẦN QUÝ	NGUYỄN CHÍ THANH	74.500
		ĐƯỜNG 3/2	TRẦN QUÝ	79.000
52	ÔNG ÍCH KIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		79.000
53	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
54	PHÚ THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		58.300
55	QUÂN SỰ	TRỌN ĐƯỜNG		43.400
56	TÂN HÓA	TRỌN ĐƯỜNG		49.600
57	TÂN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		82.600
58	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	58.100
		LÝ NAM ĐẾ	LÊ ĐẠI HÀNH	44.800
		LÊ ĐẠI HÀNH	NHÀ 538 TÂN PHƯỚC	64.100
		NHÀ 540 TÂN PHƯỚC	HÈM 168 TRẦN QUÝ	49.400
59	TÂN THÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÒ SIÊU	53.500
60	TẠ UYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		102.700
61	THÁI PHIÊN	NHÀ SỐ 92 THÁI PHIÊN	ĐƯỜNG 3/2	47.300
		ĐỘI CUNG	NHÀ SỐ 90 THÁI PHIÊN	61.400
		NHÀ SỐ 374 THÁI PHIÊN	ĐỘI CUNG	47.300
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	72.900
62	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ (NÓI DÀI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	58.600
63	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		64.200

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	TÔN THẮT HIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		82.600
65	TÔNG LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		37.600
66	TÔNG VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
67	TRẦN QUÝ	LÊ ĐẠI HÀNH	TẠ UYÊN	79.000
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	66.200
68	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	ÂU CƠ	TÔNG VĂN TRÂN	39.300
69	TUỆ TÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
70	VĨNH VIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		61.900
71	XÓM ĐẤT	TRỌN ĐƯỜNG		66.600
72	ĐƯỜNG KÊNH TÂN HÓA	HÒA BÌNH	ĐƯỜNG TÂN HÓA	48.600
73	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI ĐÀM SEN	TRỌN ĐƯỜNG		56.000

BẢNG 10
BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THUỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN 12
(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)



Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	TRƯỜNG CHÍNH	CẦU THAM LƯƠNG	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	60.300
2	QUỐC LỘ 1	GIÁP BÌNH TÂN	NGÃ TƯ GA	21.900
		NGÃ TƯ GA	CẦU BÌNH PHƯỚC	17.000
3	TUYÊN SONG HÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
4	TÔ KÝ (TỈNH LỘ 15 CŨ)	CẦU CHỢ CÀU	QUỐC LỘ 1A	43.100
5	TÔ KÝ	CẦU VƯỢT QUANG TRUNG	NGÃ 3 BÀU	33.200
6	NGUYỄN ÁNH THỦ	LÊ VĂN KHƯƠNG	TÔ KÝ	31.900
		TÔ KÝ	QUỐC LỘ 22	39.900
7	TRƯƠNG THỊ HOA	QUỐC LỘ 1	DƯƠNG THỊ MƯỜI	23.400
8	LÊ VĂN KHƯƠNG	NGÃ TƯ TÂN THỜI HIỆP	CẦU DỪA	31.000
9	HÀ HUY GIÁP	CẦU AN LỘC	NGÃ TƯ GA	29.100
		NGÃ TƯ GA	CẦU PHÚ LONG	22.400
10	LÊ ĐỨC THỌ	CẦU TRƯỜNG ĐAI	NGÃ TƯ TÂN THỜI HIỆP	23.300
11	NGUYỄN VĂN QUÁ	TRỌN ĐƯỜNG		30.400
12	PHAN VĂN HỖN	TRỌN ĐƯỜNG		51.000
13	TÂN THỜI NHẤT 01	PHAN VĂN HỖN	QUỐC LỘ 1A	23.400
14	TÂN THỜI NHẤT 02	TÂN THỜI NHẤT 01	TÂN THỜI NHẤT 05	20.700
15	TÂN THỜI NHẤT 06	PHAN VĂN HỖN	TÂN THỜI NHẤT 1	19.300
16	TÂN THỜI NHẤT 08	TÂN THỜI NHẤT 02	PHAN VĂN HỖN	24.800
		PHAN VĂN HỖN	RẠCH CẦU SA	24.800
17	TÂN THỜI NHẤT 17	TRỌN ĐƯỜNG		22.100
18	HÀ ĐẶC	TRUNG MỸ TÂY 13	NGUYỄN ÁNH THỦ	23.400
19	NGUYỄN THÀNH VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		20.700
20	HÀ THỊ KHIÊM	TÔ KÝ	LÊ THỊ NHO	20.000
21	LÊ THỊ NHO	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
22	HÀ THỊ KHÉO	NGUYỄN ÁNH THỦ	NHÀ TƯỜNG NIỆM NGUYỄN AN NINH	23.400
23	QUỐC LỘ 22	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	NGÃ TƯ TRUNG CHÁNH	33.400
24	TRUNG MỸ TÂY 13	TÔ KÝ	TUYÊN NƯỚC SẠCH	26.200
25	TRUNG MỸ TÂY 2A	QUỐC LỘ 22	TRƯỜNG QUÂN KHU 7	26.200
26	ĐỒNG HUNG THUẬN 02	TRỌN ĐƯỜNG		23.400
27	TRẦN THỊ NĂM	DƯƠNG THỊ MƯỜI	NGUYỄN ÁNH THỦ	24.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
28	BÙI VĂN NGŨ	TÔ KÝ	NGUYỄN ÁNH THỦ	17.900
29	HUỶNH THỊ HAI	DƯƠNG THỊ MƯỜI	NGUYỄN ÁNH THỦ	23.400
30	TÂN CHÁNH HIỆP 33 (ĐƯỜNG ĐÔNG BẮC SAU PHẦN MỀM QUANG TRUNG)	TRỌN ĐƯỜNG		23.400
31	DƯƠNG THỊ MƯỜI	TÂN CHÁNH HIỆP 33 (ĐƯỜNG ĐÔNG BẮC SAU PHẦN MỀM QUANG TRUNG)	NGUYỄN ÁNH THỦ	24.800
32	TÂN CHÁNH HIỆP 25	HUỶNH THỊ HAI	TÂN CHÁNH HIỆP 18	20.700
33	TÂN CHÁNH HIỆP 07	NGUYỄN ÁNH THỦ	TÂN CHÁNH HIỆP 03	20.700
34	TÂN CHÁNH HIỆP 03	TÂN CHÁNH HIỆP 07	TÂN CHÁNH HIỆP 02	20.700
35	TÂN CHÁNH HIỆP 18	TÔ KÝ	TÂN CHÁNH HIỆP 25	23.400
36	TÂN CHÁNH HIỆP 35	TÔ KÝ	TÂN CHÁNH HIỆP 34	23.400
37	TÂN CHÁNH HIỆP 34	TÂN CHÁNH HIỆP 35	TÂN CHÁNH HIỆP 36	20.700
38	TÂN CHÁNH HIỆP 36	TÂN CHÁNH HIỆP 34	TÂN CHÁNH HIỆP 33	20.700
39	NGUYỄN THỊ ĐẶNG	QUỐC LỘ 1	NGUYỄN ÁNH THỦ	18.700
40	NGUYỄN THỊ CẦN	TRỌN ĐƯỜNG		20.700
41	LÊ THỊ RIÊNG	QUỐC LỘ 1	THỐI AN 16	29.400
42	THỐI AN 13	THỐI AN 16	CUỐI ĐƯỜNG	23.000
43	NGUYỄN THỊ KIỀU	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	20.700
44	TRẦN THỊ CỎ	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	14.500
45	THỐI AN 16	LÊ VĂN KHƯƠNG	THỐI AN 05	13.300
46	BÙI CÔNG TRÚNG	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	16.900
47	ĐỈNH GIAO KHẨU	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
48	NGUYỄN THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
49	THẠNH LỘC 15	HÀ HUY GIÁP	RẠCH GIAO KHẨU	13.800
50	THẠNH LỘC 16	QUỐC LỘ 1	SÔNG SÀI GÒN	13.800
51	TỔ NGỌC VÂN	NHÁNH RỄ NGÃ TƯ GA	THỪA ĐẤT SỐ 162, TỜ 21	13.800
52	TỔ NGỌC VÂN	CẦU BẾN PHÂN	QUỐC LỘ 1A	17.400
53	TRẦN THỊ BẦY	QUỐC LỘ 1	HÀ HUY GIÁP	16.000
54	NGUYỄN THỊ BÚP	NGUYỄN THỊ BÚP	NGUYỄN ÁNH THỦ	20.700
55	NGUYỄN THỊ TRĂNG	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGUYỄN ÁNH THỦ	22.100
56	HƯƠNG LỘ 80B	NGUYỄN ÁNH THỦ	KÊNH TRẦN QUANG CƠ	24.100
57	HIỆP THÀNH 44	HIỆP THÀNH 06	NGUYỄN THỊ BÚP	16.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	TRẦN THỊ HÈ	NGUYỄN ẢNH THỦ	ĐƯỜNG BĐH KHU PHỐ 4	15.200
57	ĐƯỜNG VÀO KHU TDC 1,3 HA	NGUYỄN ẢNH THỦ	HIỆP THÀNH 42 (BĐH KHU PHỐ 4)	20.700
58	THẠNH XUÂN 13	QUỐC LỘ 1	CÔNG GỒ SAO	12.400
59	VƯỜN LÀI	QUỐC LỘ 1	CẦU SẮT AN PHÚ ĐÔNG	13.500
60	TÂN THỜI HIỆP 20	QUỐC LỘ 1	TÂN THỜI HIỆP 21	16.200
61	TÂN THỜI HIỆP 21	QUỐC LỘ 1	DƯƠNG THỊ MƯỜI	18.700
62	ĐƯỜNG K (KHU TÂN TIẾN)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG J		11.700
63	ĐƯỜNG J (KHU TÂN TIẾN)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG H		11.700
64	ĐƯỜNG G (KHU TÂN TIẾN)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG D		11.700
65	ĐƯỜNG F1 (KHU TÂN TIẾN)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG A		11.600
66	ĐƯỜNG E2 (KHU TÂN TIẾN)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG D		11.600
67	ĐƯỜNG A (KHU TÂN TIẾN)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG F1	GIÁP VỚI ĐƯỜNG SỐ 31	14.400
68	ĐƯỜNG D (KHU TÂN TIẾN)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG H	GIÁP VỚI ĐƯỜNG A	12.200
69	ĐƯỜNG SỐ 2A (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG B1 LỘ GIỚI 30M		35.000
70	ĐƯỜNG SỐ 4 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG SỐ 3 LỘ GIỚI 12M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG SỐ 6 LỘ GIỚI 12M	32.500
71	ĐƯỜNG SỐ 5 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG SỐ 3 LỘ GIỚI 12M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG SỐ 6 LỘ GIỚI 12M	31.300
72	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG B1 LỘ GIỚI 30M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG C LỘ GIỚI 20M	30.100
73	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG F LỘ GIỚI 16M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG B1 LỘ GIỚI 12M	29.100
74	ĐƯỜNG SỐ 6 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG F LỘ GIỚI 16M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG E1 LỘ GIỚI 12M	25.000
75	ĐƯỜNG SỐ G1 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG H LỘ GIỚI 12M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG A1 LỘ GIỚI 60M	30.000
76	ĐƯỜNG SỐ 3A (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG DƯƠNG THỊ GIANG LỘ GIỚI 25M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG G1 LỘ GIỚI 12M	28.100
77	ĐƯỜNG SỐ H (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 38HA)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG DƯƠNG THỊ GIANG LỘ GIỚI 25M	GIÁP VỚI ĐƯỜNG C LỘ GIỚI 20M	28.100
78	ĐƯỜNG A (KHU TÁI ĐỊNH CƯ XUYỀN Á)	GIÁP VỚI ĐƯỜNG TÂN CHÁNH HIỆP 08	LÂM THỊ HÓ	12.100
79	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 13M (HIỆP THÀNH CITY)	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
80	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M (KHU NHÀ Ở THỜI AN 1)	TRỌN ĐƯỜNG		17.400
81	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M (KHU NHÀ Ở THỜI AN 1)	TRỌN ĐƯỜNG		18.900

Phụ lục 4

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN BÌNH THẠNH***(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	BẠCH ĐẰNG	NGÃ 3 HÀNG XANH	CHỢ BÀ CHIỂU	99.700
2	BÌNH LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		62.200
3	BÌNH QUỐI	CẦU KINH	THANH ĐÀ	42.800
		THANH ĐÀ	BẾN ĐÒ	35.000
4	BÙI HỮU NGHĨA	NGÃ BA THÁNH MẪU	BẠCH ĐẰNG	92.300
		CẦU BÙI HỮU NGHĨA	NGÃ BA THÁNH MẪU	83.600
5	BÙI ĐÌNH TUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		76.300
6	CHU VĂN AN	NGÃ 5 BÌNH HOÀ	CẦU CHU VĂN AN	67.800
		CẦU CHU VĂN AN	ĐÌNH BỘ LÍNH	77.300
7	CÔNG TRƯỜNG HOÀ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		65.100
8	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	TRỌN ĐƯỜNG		65.100
9	DIỄN HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		69.500
10	ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU SÀI GÒN	107.900
11	ĐÌNH BỘ LÍNH	CẦU BÌNH TRIỆU	NGUYỄN XÍ	73.400
		NGUYỄN XÍ	ĐIỆN BIÊN PHỦ	83.600
12	ĐÌNH TIÊN HOÀNG (NAY LÀ ĐƯỜNG LÊ VĂN DUYỆT)	CẦU BÔNG	PHAN ĐĂNG LƯU	99.700
13	ĐÔNG ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		54.400
14	ĐƯỜNG 16 KHU MIẾU NỘI	TRỌN ĐƯỜNG		46.700
15	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		87.500
16	NGUYỄN GIA TRÍ	TRỌN ĐƯỜNG		87.500
17	VÕ OANH	TRỌN ĐƯỜNG		76.300
18	ĐƯỜNG D5	TRỌN ĐƯỜNG		61.300
19	ĐẶNG THUY TRÂM	TRỌN ĐƯỜNG		59.300
20	HỒ XUÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		53.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	HỒNG BÀNG	VŨ TÙNG	DIÊN HỒNG	84.100
22	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	NGUYỄN VĂN ĐẬU	58.300
		NGUYỄN VĂN ĐẬU	PHAN ĐĂNG LƯU	66.600
23	HUỶNH MÃN ĐẠT	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	70.000
24	HUỶNH ĐÌNH HAI	TRỌN ĐƯỜNG		82.600
25	HUỶNH TỊNH CỦA	TRỌN ĐƯỜNG		67.600
26	LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		74.300
27	LÊ QUANG ĐỊNH	CHỢ BÀ CHIÊU	NƠ TRANG LONG	87.000
		NƠ TRANG LONG	NGUYỄN VĂN ĐẬU	67.100
		NGUYỄN VĂN ĐẬU	RANH QUẬN GÒ VẤP	69.400
28	LÊ TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		44.700
29	LƯƠNG NGỌC QUYẾN	BÌNH LỢI	RANH QUẬN GÒ VẤP	44.700
30	MAI XUÂN THƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
31	MÊ LINH	TRỌN ĐƯỜNG		76.300
32	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		76.300
33	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	LÊ QUANG ĐỊNH	HOÀNG HOA THÁM	44.200
		HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN VĂN ĐẬU	43.300
34	NGÔ NHÂN TỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		41.300
35	NGÔ ĐỨC KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
36	NGÔ TẮT TỐ	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
37	ĐƯỜNG PHỦ MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		49.600
38	NGUYỄN TRUNG TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		43.700
39	NGUYỄN XÍ	TRỌN ĐƯỜNG		80.200
40	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		44.700
41	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
42	NGUYỄN CÔNG HOAN	TRỌN ĐƯỜNG		43.000
43	NGUYỄN CÔNG TRỨ	TRỌN ĐƯỜNG		56.900
44	NGUYỄN CỬU VÂN	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	ĐIÊN BIÊN PHỦ	72.400
45	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		40.800
46	NGUYỄN HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		40.800
47	NGUYỄN HỮU CẢNH	TRỌN ĐƯỜNG		90.900
48	NGUYỄN HUY LƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		65.600
49	NGUYỄN HUY TƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		50.500
50	NGUYỄN KHUYẾN	TRỌN ĐƯỜNG		45.700
51	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		43.200
52	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		39.800
53	NGUYỄN THIÊN THUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		61.700
54	NGUYỄN VĂN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		67.600
55	NGUYỄN VĂN ĐẬU	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	LÊ QUANG ĐỊNH	77.800
		LÊ QUANG ĐỊNH	PHAN VĂN TRỊ	59.900

3

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	NGUYỄN XUÂN ÔN	TRỌN ĐƯỜNG		63.200
57	NƠ TRANG LONG	PHAN ĐĂNG LƯU	LÊ QUANG ĐỊNH	85.100
		LÊ QUANG ĐỊNH	NGUYỄN XÍ	81.700
		NGUYỄN XÍ	BÌNH LỢI	63.700
58	PHẠM VIỆT CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		76.300
59	PHAN HUY ÔN	TRỌN ĐƯỜNG		45.700
60	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		70.000
61	PHAN CHU TRÌNH	CHU VĂN AN	NƠ TRANG LONG	73.400
		HUỶNH ĐÌNH HAI	VŨ TÙNG	73.400
62	PHAN ĐĂNG LƯU	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP QUẬN PHÚ NHUẬN	109.600
63	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		100.500
64	PHAN VĂN HÂN	ĐIỆN BIÊN PHỦ	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	66.600
		XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	72.900
65	PHAN VĂN TRỊ	LÊ QUANG ĐỊNH	NƠ TRANG LONG	64.600
		NƠ TRANG LONG	GIÁP QUẬN GỖ VẤP	63.700
66	PHÓ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		41.800
67	QUỐC LỘ 13	ĐẠI LIỆT SĨ	CẦU BÌNH TRIỆU	81.700
68	TẶNG BẠT HỒ	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
69	THANH ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		31.600
70	THIỆN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
71	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		39.400
72	TRẦN KẾ XƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		43.500
73	TRẦN QUÝ CÁP	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
74	TRẦN VĂN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		46.200
75	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		70.000
76	TRƯỜNG SA	CẦU THỊ NGHÈ	CẦU THỊ NGHÈ 2	76.200
		CẦU BÔNG	GIÁP RANH PHÚ NHUẬN	98.900
		CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	97.200
		CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU BÔNG	89.900
77	UNG VĂN KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		78.200
78	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		66.600
79	VÕ DUY NINH	TRỌN ĐƯỜNG		49.600
80	VÕ TRƯỜNG TOẢN	TRỌN ĐƯỜNG		73.900
81	VŨ HUY TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
82	VŨ NGỌC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		53.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
83	VŨ TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		73.400
84	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	CẦU THỊ NGHÈ	VÒNG XOAY HÀNG XANH	99.700
		VÒNG XOAY HÀNG XANH	ĐÀI LIỆT SĨ	85.100
		ĐÀI LIỆT SĨ	CẦU KINH	65.100
		ĐA CẦU THỊ NGHÈ		50.200
85	YÊN ĐỒ	TRỌN ĐƯỜNG		40.300
86	PHẠM VĂN ĐỒNG	TRỌN ĐƯỜNG THUỘC ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH THẠNH		70.500
87	TRẦN QUANG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
88	TÂN CẢNG	TRỌN ĐƯỜNG		75.400
89	TRẦN VĂN KHÊ	NGUYỄN CỬA VÂN	TRƯỜNG SA	50.000
90	TRẦN NGUYỄN ĐÁN	TRƯỜNG SA	PHAN XÍCH LONG	64.300
91	KHU ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ TRONG KHU ĐẤT TÂN THUẬN VÀ KHU ĐẤT NHẬT THÀNH, PHƯỜNG 13, QUẬN BÌNH THẠNH			
	ĐƯỜNG NHỰA LỘ GIỚI 12M TRONG KHU ĐẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG 13 (CÁC NỀN ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH TỪ 50M ² ĐẾN 100M ²)			56.400
	ĐƯỜNG NHỰA LỘ GIỚI 10M TRONG KHU ĐẤT TÂN THUẬN, PHƯỜNG 13 (CÁC NỀN ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH TỪ 50M ² ĐẾN 100M ²)			54.600
	ĐƯỜNG NHỰA LỘ GIỚI 12M TRONG KHU ĐẤT NHẬT THÀNH, PHƯỜNG 13 (CÁC NỀN ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH TỪ 100M ² ĐẾN 200M ²)			54.600
	ĐƯỜNG NHỰA LỘ GIỚI 12M TRONG KHU ĐẤT NHẬT THÀNH, PHƯỜNG 13 (CÁC NỀN CÓ DIỆN TÍCH TỪ 200M ² ĐẾN 300M ²)			52.800
	ĐƯỜNG NHỰA LỘ GIỚI 10M TRONG KHU ĐẤT NHẬT THÀNH, PHƯỜNG 13 (CÁC NỀN CÓ DIỆN TÍCH TỪ 100M ² ĐẾN 200M ²)			52.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	KHU DÂN CƯ 4,02HA , PHƯỜNG 13, QUẬN BÌNH THẠNH			
	ĐƯỜNG NHỰA LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DÂN CƯ 4,02HA, PHƯỜNG 13 (CÁC NỀN CỎ DIỆN TÍCH TỪ 50M2 ĐẾN 100M2)			58.500

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THUỜNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN PHÚ NHUẬN**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	CẨM BÁ THUỐC	TRỌN ĐƯỜNG		52.700
2	CAO THẮNG	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TRỖI	70.100
3	CHIẾN THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
4	CỔ BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		66.400
5	CỔ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		66.400
6	CÙ LAO	TRỌN ĐƯỜNG		93.300
7	DUY TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		70.400
8	ĐẶNG THAI MAI	TRỌN ĐƯỜNG		42.900
9	ĐẶNG VĂN NGŨ	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	KÊNH NHIÊU LỘC	74.500
10	ĐÀO DUY ANH	TRỌN ĐƯỜNG		80.000
11	ĐÀO DUY TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		63.300
12	ĐỖ TÂN PHONG	TRỌN ĐƯỜNG		52.400
13	ĐOÀN THỊ ĐIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		76.200
14	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ RẠCH MIẾU (PHƯỜNG 2, PHƯỜNG 7)	HOA CAU, HOA LÀI, HOA THỊ, HOA HUỆ		106.600
		HOA LAN, HOA MAI, HOA ĐÀO, HOA TRÀ, HOA CÚC, HOA SỮA, HOA SÚ, HOA GIẤY, HOA HỒNG, ĐƯỜNG 11		112.700
		HOA PHƯỢNG		116.600
15	HỒ BIỂU CHÁNH	NGUYỄN VĂN TRỖI HUỲNH VĂN BÁNH	HUỲNH VĂN BÁNH GIÁP QUẬN 3	81.700 62.900
16	HOÀNG HOA THÁM	TRỌN ĐƯỜNG		46.900
17	HỒ VĂN HUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		94.900
18	HOÀNG DIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		67.300
19	HOÀNG MINH GIÁM	TRỌN ĐƯỜNG		69.100
20	HOÀNG VĂN THỤ	TRỌN ĐƯỜNG		136.600
21	HUỲNH VĂN BÁNH	PHAN ĐÌNH PHÙNG LÊ VĂN SỸ	LÊ VĂN SỸ ĐẶNG VĂN NGŨ	104.000 90.800
22	KỶ CON	TRỌN ĐƯỜNG		52.400
23	LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		74.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
24	LÊ QUÝ ĐÔN	TRỌN ĐƯỜNG		62.900
25	LÊ TỰ TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		58.600
26	LÊ VĂN SỸ	TRỌN ĐƯỜNG		119.100
27	MAI VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		53.100
28	NGÔ THỜI NHIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		53.100
29	NGUYỄN CÔNG HOAN	PHAN ĐĂNG LƯU	TRẦN KÊ XƯƠNG	69.400
		TRẦN KÊ XƯƠNG	PHAN XÍCH LONG	47.300
		PHAN XÍCH LONG	TRƯỜNG SA	102.100
30	NGUYỄN KIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		84.700
31	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	NGUYỄN KIỂM	PHAN XÍCH LONG	66.000
		PHAN XÍCH LONG	THÍCH QUẢNG ĐỨC	53.100
32	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		65.600
33	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		47.900
34	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	NGUYỄN VĂN TRỎI	73.200
		NGUYỄN VĂN TRỎI	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	56.200
35	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		56.000
36	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	PHAN ĐÌNH PHÙNG	GIÁP QUẬN TÂN BÌNH	96.000
37	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	TRỌN ĐƯỜNG		53.100
38	NGUYỄN VĂN ĐẬU	TRỌN ĐƯỜNG		63.600
39	NGUYỄN VĂN TRỎI	TRỌN ĐƯỜNG		163.300
40	NHIÊU TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		48.400
41	PHAN ĐĂNG LƯU	TRỌN ĐƯỜNG		119.800
42	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		128.300
43	PHAN TÂY HỒ	CÀM BÀ THUỐC	HÈM SỐ 63 PHAN TÂY HỒ	46.900
44	PHAN XÍCH LONG	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	PHAN ĐĂNG LƯU	105.400
		PHAN ĐĂNG LƯU	CỦ LAO	136.900
		CỦ LAO	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	130.300
45	PHÙNG VĂN CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		56.800
46	THÍCH QUẢNG ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		58.900
47	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		58.900
48	TRẦN HỮU TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		69.400
49	TRẦN HUY LIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		112.300
50	TRẦN KÊ XƯƠNG	PHAN ĐĂNG LƯU	RANH BÌNH THẠNH	47.300
51	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		55.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
52	TRƯỜNG QUỐC DUNG	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG DIỆU	75.200
		HOÀNG DIỆU	TRẦN HỮU TRANG	57.900
53	TRƯỜNG SA (VEN KÊNH NHIỀU LỘC THỊ NGHỀ)	TRỌN ĐƯỜNG		98.900
54	HỒNG HÀ	RANH QUẬN TÂN BÌNH	HOÀNG MINH GIÁM	76.800
		HOÀNG MINH GIÁM	BÙI VĂN THÊM	68.000
55	PHỔ QUANG	RANH QUẬN TÂN BÌNH	ĐÀO DUY ANH	80.100
56	BÙI VĂN THÊM	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
57	ĐẶNG VĂN SÂM	TRỌN ĐƯỜNG		70.100

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN TÂN BÌNH**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ẤP BẮC	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	50.700
2	ẬU CƠ	MŨI TÀU ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH - ẬU CƠ	VÒNG XOAY LÊ ĐẠI HÀNH	62.000
3	BA GIA	TRẦN TRIỆU LUẬT	LÊ MINH XUÂN	60.600
4	BA VÂN	LÊ MINH XUÂN	CUỐI ĐƯỜNG	51.400
5	BA VÌ	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ẬU CƠ	45.500
6	BẮC HẢI	THĂNG LONG	KÊNH SÂN BAY (A41)	45.500
7	BẠCH ĐĂNG 1	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÝ THƯỜNG KIỆT	55.700
8	BẠCH ĐĂNG 2	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	NGÃ BA HỒNG HÀ -BẠCH ĐĂNG 2	64.000
9	BẠNH VĂN TRẦN	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	70.700
10	BẦU BÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		48.100
11	BẦU CÁT	NÚI THÀNH	BÌNH GIÃ	50.700
12	BẦU CÁT 1	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	84.000
13	BẦU CÁT 2	ĐÔNG ĐEN	VÕ THÀNH TRANG	64.700
14	BẦU CÁT 3	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	51.700
15	BẦU CÁT 4	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	51.700
16	BẦU CÁT 5	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	51.700
17	BẦU CÁT 6	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	51.700
18	BẦU CÁT 7	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	51.700
19	BẦU CÁT 8	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	51.700
20	BẦY HIÊN	ẬU CƠ	ĐÔNG ĐEN	48.200
21	BỂ VĂN ĐÀN	ĐÔNG ĐEN	HỒNG LẠC	39.300
22	BÊN CÁT	HÈM 1129 LẠC LONG QUÂN	1017 LẠC LONG QUÂN	64.200
23	BÌNH GIÃ	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐÔNG ĐEN	51.700
24	BÙI THỊ XUÂN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐÔNG ĐEN	51.700
25	CA VĂN THÌNH	ĐƯỜNG PHÚ HOÀ	NGHĨA PHÁT	43.000
		TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	59.000
		HOÀNG VĂN THỤ	KÊNH NHIỀU LỘC	41.300
		VÕ THÀNH TRANG	ĐÔNG ĐEN	51.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	TRẦN THỊ TRỌNG	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	25.500
27	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGÃ 4 BẦY HIỀN	RANH QUẬN 3, QUẬN 10	91.100
28	CHẤN HÙNG	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGHĨA HOÀ NỘI DÀI	37.000
29	CHÂU VINH TẾ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	33.100
30	CHÍ LINH	KHAI TRÍ	ĐẠI NGHĨA	41.600
31	CHỮ ĐÔNG TỬ	BÀNH VĂN TRẦN	VĂN CÔI	41.600
32	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHÍNH	LÃNG CHA CẢ	73.300
33	CỬU LONG	TRƯỜNG SƠN	YÊN THẾ	63.000
34	CỦ CHÍNH LAN	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	44.800
35	DÂN TRÍ	NGHĨA HOÀ	KHAI TRÍ	48.100
36	DƯƠNG VĂN NGÀ	NGUYỄN BẮC	NGÔ THỊ THU MINH	54.100
37	DUY TÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIẾN	64.200
38	ĐẠI NGHĨA	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	40.800
39	ĐẶNG LỘ	NGHĨA PHÁT	CHỮ ĐÔNG TỬ	40.800
40	ĐẤT THÁNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẮC HẢI	46.700
41	ĐỒ SƠN	THẮNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	45.500
42	ĐỒNG HỒ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	46.200
43	ĐỒNG NAI	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	60.600
44	ĐỒNG ĐEN	TRƯỜNG CHÍNH	ẤU CỐ	60.600
45	ĐỒNG SƠN	VĂN CÔI	BÀ GIA	56.100
46	ĐỒNG XOÀI	BÌNH GIÃ	HOÀNG HOA THẨM	55.100
47	ĐÌNH ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		45.200
48	ĐƯỜNG A4	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHÍNH	57.900
49	ĐƯỜNG B6	TRỌN ĐƯỜNG		50.300
50	THÁI THỊ NHẠN	ẤU CỐ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	38.700
51	NGÔ THỊ THU MINH	PHẠM VĂN HAI	LÊ VĂN SỸ	63.400
52	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	THÂN NHÂN TRUNG	ĐƯỜNG C12	42.200
53	ĐƯỜNG C1	CỘNG HOÀ	NGUYỄN QUANG BÍCH	42.200
54	ĐƯỜNG C12	CỘNG HOÀ	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	42.200
55	ĐƯỜNG C18	CỘNG HOÀ	HOÀNG KÊ VIÊM	53.000
56	TRẦN VĂN DANH	HẸM 235 ĐƯỜNG HOÀNG HOA THẨM	GIÁP BỜ RÀO SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	42.200
57	ĐƯỜNG C22	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	50.300
58	ĐƯỜNG C27	HẸM 58 NGUYỄN MINH HOÀNG	NGUYỄN BÁ TUYÊN (C29)	37.900
59	ĐƯỜNG C3	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	42.200
60	ĐƯỜNG D52	CỘNG HÒA	LÊ TRUNG NGHĨA	37.900
61	ĐƯỜNG SỐ 1	HỒNG LẠC	NI SƯ HUỲNH LIÊN	37.200
62	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 1	NI SƯ HUỲNH LIÊN	37.200
63	ĐƯỜNG SỐ 3	NI SƯ HUỲNH LIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	37.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	ĐƯỜNG SỐ 4	NI SƯ HUỖNH LIÊN	ĐƯỜNG SỐ 7	37.200
65	ĐƯỜNG SỐ 5	NI SƯ HUỖNH LIÊN	ĐƯỜNG SỐ 7	37.200
66	ĐƯỜNG SỐ 6	NI SƯ HUỖNH LIÊN	ĐƯỜNG SỐ 7	37.200
67	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1	NHÀ SỐ 30 ĐƯỜNG SỐ 1	37.200
68	BÙI THÊ MỸ	HỒNG LẠC	NI SƯ HUỖNH LIÊN	43.000
69	ĐỒNG ĐÀ	CỬU LONG	TIỀN GIANG	53.000
70	GIẢI PHÓNG	THẮNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	45.500
71	GÒ CẨM ĐỆM	LẠC LONG QUÂN	TRẦN VĂN QUANG	32.100
72	HẬU GIANG	THẮNG LONG	TRƯỜNG SƠN	59.900
73	HÀ BẢ TƯỜNG	TRƯỜNG CHÍNH	LÊ LAI	45.500
74	HÁT GIANG	LAM SƠN	YÊN THẾ	45.500
75	HIỆP NHẤT	HOÀ HIỆP	HÈM 1054 CÁCH MẠNG THÁNG 8	41.600
76	HỒNG HÀ	TRƯỜNG SƠN	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	64.000
77	HỒNG LẠC	LẠC LONG QUÂN	VÕ THÀNH TRANG	54.400
		VÕ THÀNH TRANG	ÂU CƠ	45.500
78	HOÀNG BẬT ĐẠT	NGUYỄN PHÚC CHU	TRẦN THỊ TRỌNG	24.100
79	HOÀNG HOA THÁM	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	75.900
		CỘNG HOÀ	RANH SÂN BAY	58.400
80	HOÀNG KẾ VIÊM (C21)	ĐƯỜNG A4	CUỐI ĐƯỜNG	50.300
81	HOÀNG SA	LÊ BÌNH	GIÁP RANH QUẬN 3	57.200
82	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGÃ 4 BÀ Y HIỀN	98.500
83	HOÀNG VIỆT	HOÀNG VĂN THỤ	LÊ BÌNH	81.700
84	HUNG HOÀ	CHẤN HUNG	NGÃ 3 THÁNH GIA	23.900
85	HOÀ HIỆP	HIỆP NHẤT	LÊ BÌNH	40.800
86	HUỖNH LAN KHANH	PHAN ĐÌNH GIÓT	TƯỜNG RÀO QK7	63.000
87	HUỖNH TỊNH CỬA	SƠN HUNG	NGUYỄN TỬ NHA	44.100
88	HUỖNH VĂN NGHỆ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	21.900
89	KHAI TRÍ	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	40.800
90	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	ÂU CƠ	87.800
91	LAM SƠN	SÔNG NHUỆ	HỒNG HÀ	67.900
92	LÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		51.100
93	LÊ DUY NHUẬN (C28)	THÉP MỎI	ĐƯỜNG A4	42.400
94	LÊ LAI	TRƯỜNG CHÍNH	HÈM 291 TRƯỜNG CHÍNH	45.500
95	LÊ LỢI	TRƯỜNG CHÍNH	HÈM 11 LÊ LAI	40.300
96	LÊ MINH XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	84.700
		LÝ THƯỜNG KIỆT	VĂN CÔI	65.200
97	LÊ NGÂN	TRƯỜNG CHÍNH	NGUYỄN TỬ NHA	45.200
98	LÊ TÂN QUỐC	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	44.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
99	LÊ TRUNG NGHĨA (C26)	HOÀNG HOA THẨM	ĐƯỜNG A4	38.700
		ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	50.300
100	LÊ VĂN HUÂN	CỘNG HOÀ	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	49.100
101	LÊ VĂN SỸ	LĂNG CHA CẢ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	92.700
102	LỘC HÙNG	CHẤN HÙNG	NGÃ 3 NHÀ THỜ LỘC HÙNG	35.000
103	LỘC VINH	NGHĨA PHÁT	NGHĨA HOÀ	38.700
104	LONG HUNG	BẾN CÁT	BÀ GIA	48.100
105	LƯU NHÂN CHỦ	PHẠM VĂN HAI	HÈM 98 CÁCH MẠNG THÁNG 8	34.900
106	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 4 BẦY HIỀN	TRẦN TRIỆU LUẬT	112.300
		TRẦN TRIỆU LUẬT	RANH QUẬN 10	91.300
107	MAI LÃO BẠNG	THÂN NHÂN TRUNG	TRẦN VĂN DƯ	47.600
108	NĂM CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		43.400
109	NGHĨA HÙNG	HÈM 35 NGHĨA PHÁT	HÈM 221/1 ĐẤT THÁNH VÀ HÈM 81/1 NGHĨA HÒA	33.600
110	NGHĨA HOÀ	NGHĨA PHÁT	BẮC HẢI	38.700
111	NGHĨA PHÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẾN CÁT	47.800
		BẾN CÁT	BÀNH VĂN TRẦN	51.800
112	NGÔ BỆ	CỘNG HOÀ	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	39.500
113	NGUYỄN BẠC	PHẠM VĂN HAI	DƯƠNG VĂN NGA	63.000
114	NGUYỄN BÁ TÔNG	TRƯỜNG CHINH	SƠN HUNG	35.800
115	NGUYỄN BÁ TUYÊN (C29)	NGUYỄN MINH HOÀNG	LÊ DUY NHUẬN	44.100
116	NGUYỄN CẢNH DỊ	THĂNG LONG	NGUYỄN VĂN MAI	46.700
117	NGUYỄN CHÁNH SẮT	TRẦN VĂN DƯ	TRẦN VĂN DANH	43.000
118	NGUYỄN HIỀN LÊ	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THẨM	44.900
119	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	TRƯỜNG CHINH	ÂU CỖ	55.100
120	NGUYỄN MINH HOÀNG (C25)	HOÀNG HOA THẨM	QUÁCH VĂN TUẤN	50.300
121	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG VIỆT	48.100
122	NGUYỄN PHÚC CHU	TRƯỜNG CHINH	KÊNH HY VỌNG	34.300
123	NGUYỄN QUANG BÍCH (B4)	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THẨM	47.600
124	NGUYỄN SỸ SÁCH	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	35.000
125	NGUYỄN THANH TUYÊN	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	HÈM 500 PHẠM VĂN HAI	41.300
126	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	68.200
127	NGUYỄN THẾ LỘC	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	50.300
128	NGUYỄN THỊ NHỎ	ÂU CỖ	THIÊN PHƯỚC	53.000
129	NGUYỄN TỬ NHA	NĂM CHÂU	NHÀ THỜ VĂN CÔI	40.700
130	NGUYỄN TRỌNG LỢI	HẬU GIANG	HÈM 5 NGUYỄN VĂN VINH	48.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
131	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	HẸM 429 HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	80.000
132	NGUYỄN VĂN MẠI	TRƯỜNG SƠN	SỐ 1/54 TRƯỜNG SƠN	52.500
133	NGUYỄN VĂN TRỖI	HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	136.100
134	NGUYỄN VĂN VĨ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	34.800
135	NGUYỄN VĂN VĨNH	THĂNG LONG	NGUYỄN TRỌNG LỢI	49.600
136	NHẤT CHI MAI	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG C12	49.100
137	NI SƯ HUỖNH LIÊN	LẠC LONG QUÂN	HỒNG LẠC	48.200
138	NÚI THÀNH	ẤP BẮC	CỘNG HOÀ	50.700
139	PHẠM CỰ LƯỢNG	PHỐ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	40.700
140	PHẠM PHÚ THỨ	ĐƯỜNG BẢY HIẾN	ĐÔNG ĐEN	56.100
141	PHẠM VĂN BẠCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	32.100
142	PHẠM VĂN HAI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÊ VĂN SỸ	87.300
143	PHAN BÁ PHIÊN	LÊ VĂN SỸ	HOÀNG VĂN THỤ	68.100
144	PHAN HUY ÍCH	ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	50.300
145	PHAN ĐÌNH GIÓT	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	42.700
146	PHAN SẢO NAM	PHỐ QUANG	TRƯỜNG SƠN	72.200
147	PHAN THỨC DUYỆN	BẦU CÁT	HỒNG LẠC	43.400
148	PHAN VĂN SỬU	THĂNG LONG	TRẦN QUỐC HOÀN	66.700
149	PHỐ QUANG	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	49.100
150	PHÚ HOÀ	PHAN ĐÌNH GIÓT	HỒ VĂN HUỆ (QUẬN PHÚ NHUẬN)	65.500
151	PHÚ LỘC	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	62.500
152	QUÁCH VĂN TUẤN	LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	81.100
153	QUẢNG HIẾN	BÀNH VĂN TRẦN	NHÀ SỐ 71/2A PHÚ LỘC	26.600
154	SẦM SƠN	CỘNG HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	50.300
155	SAO MAI	NĂM CHÂU	SƠN HÙNG	41.600
156	SÔNG ĐÀ	BA VỊ	ĐƯỜNG NỐI ĐƯỜNG TRẦN QUỐC HOÀN - CỘNG HÒA	52.500
157	SÔNG ĐÁY	NHÀ SỐ 901 CÁCH MẠNG THÁNG 8	BÀNH VĂN TRẦN	47.800
158	SÔNG NHUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		53.700
159	SÔNG THAO	TRỌN ĐƯỜNG		53.700
160	SÔNG THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		53.700
161	SƠN CANG	TRỌN ĐƯỜNG		34.800
162	SƠN HÙNG	LAM SƠN	ĐÔNG ĐÀ	53.700
		TRỌN ĐƯỜNG		53.700
		HUỖNH TỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
163	TÂN CANH	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	LÊ VĂN SỸ	72.000
164	TÂN CHÂU	DUY TÂN	TÂN PHƯỚC	45.200
165	TÂN KHAI	HIỆP NHẤT	TỰ CƯỜNG	47.800
166	TÂN KỶ TÂN QUÝ	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	41.500
167	TÂN HẢI	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	39.300
168	TÂN LẬP	TÂN THỌ	TÂN XUÂN	39.300
169	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIỀN	45.500
170	TÂN SƠN HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		88.100
171	TÂN TẠO	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN XUÂN	45.500
172	TÂN THỌ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	45.500
173	TÂN TIỀN	TÂN THỌ	ĐÔNG HỒ	64.700
174	TÂN TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		46.800
175	TÂN TRỤ	NGUYỄN PHÚC CHU	PHAN HUY ÍCH	30.600
176	TÂN XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÊ MINH XUÂN	44.100
177	TÁI THIẾT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NĂM CHÂU	40.800
178	TÂN VIÊN	SÔNG ĐÁY	ĐÔNG NAI	57.200
179	THÂN NHÂN TRUNG	CỘNG HOÀ	MAI LÃO BẠNG	51.900
180	THĂNG LONG	CỘNG HOÀ	HẬU GIANG	64.200
181	THÀNH MỸ	ĐÔNG HỒ	HÈM 373 LÝ THƯỜNG KIỆT	45.500
182	THẾP MỎI	TRỌN ĐƯỜNG		42.400
183	THÍCH MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		52.400
184	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÝ THƯỜNG KIỆT	51.700
185	THỦ KHOA HUÂN	PHÚ HOÀ	ĐÔNG HỒ	54.100
186	TIỀN GIANG	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	58.600
187	TÓNG VĂN HÊN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN PHÚC CHU	29.900
188	TỰ CƯỜNG	TỰ LẬP	HÈM 1054 CÁCH MẠNG THÁNG 8	47.400
189	TỰ LẬP	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HIỆP NHẤT	47.400
190	TỬ HẢI	NGHĨA PHÁT	ĐẤT THÁNH	41.600
191	TRẦN MAI NINH	TRƯỜNG CHINH	BẦU CÁT	51.700
192	TRẦN QUỐC HOÀN	CỘNG HÒA	TRƯỜNG SƠN	80.900
193	TRẦN THÁI TỔNG	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	37.900
194	TRẦN THÁNH TỔNG	HUỲNH VĂN NGHỆ	CÔNG LỖ	28.500
195	TRẦN TRIỆU LUẬT	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	47.800
196	TRẦN VĂN DƯ	CỘNG HÒA	TƯỜNG RÀO SÂN BAY	50.300
197	TRẦN VĂN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		37.900
198	TRẦN VĂN QUANG	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	49.600
199	TRÀ KHÚC	TRỌN ĐƯỜNG		50.000
200	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	60.600
201	TRƯƠNG HOÀNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		42.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
202	TRƯỜNG CHÍNH	NGÃ 4 BẦY HIÊN	MŨI TÀU ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH- CỘNG HÒA	81.800
		MŨI TÀU ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH - CỘNG HÒA	CẦU THAM LƯƠNG	63.000
203	TRƯỜNG SA	ÚT TỊCH	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	63.900
204	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		80.900
205	TRUNG LANG	TRẦN MAI NINH	LÊ LAI	42.700
206	ÚT TỊCH	CỘNG HOÀ	LÊ BÌNH	64.200
207	VĂN CỘI	BÀNH VĂN TRẦN	NGHĨA PHÁT	46.700
208	VĂN CHUNG	TRẦN VĂN DƯ	TRẦN VĂN DANH	50.300
209	TÂN SƠN	PHẠM VĂN BẠCH	QUANG TRUNG - GỖ VẤP	32.100
210	VÕ THÀNH TRANG	LÝ THƯỜNG KIỆT	HỒNG LẠC	46.000
211	XUÂN DIỆU	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN THÁI BÌNH	77.700
212	XUÂN HỒNG	TRƯỜNG CHÍNH	XUÂN DIỆU	77.700
213	YÊN THẾ	TƯỜNG RÀO QUÂN ĐỘI	KÊNH NHẬT BẢN	64.100
214	ĐƯỜNG DỰ ÁN KÊNH MƯƠNG NHẬT BẢN	ĐƯỜNG VÀO KHU A75	CUỐI HẸM 74 BẠCH ĐĂNG 2	34.500
215	ĐƯỜNG NỘI ĐƯỜNG TRẦN QUỐC HOÀN - ĐƯỜNG CỘNG HÒA	TRẦN QUỐC HOÀN	CỘNG HÒA	68.600
216	ĐẶNG MINH TRỮ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	BÙI THẾ MỸ	37.200

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN BÌNH TÂN**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		38.300
2	AO ĐÔI	MÃ LÒ	QUỐC LỘ 1A	19.600
3	ẤP CHIẾN LƯỢC	MÃ LÒ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	22.700
4	BẾN LỘI	VÕ VĂN VÂN	TÂY LÂN	17.000
5	BÌNH LONG	TÂN KỶ TÂN QUÝ	NGÃ TƯ BỒN XÃ	38.600
6	BÙI DƯƠNG LỊCH	TRỌN ĐƯỜNG		18.400
7	BÙI HỮU DIỆN	NGUYỄN THỨC TỰ	CUỐI ĐƯỜNG	18.800
8	BÙI HỮU DIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
9	BÙI TƯ TOÀN	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	24.300
10	CÁC ĐƯỜNG 2, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG (ĐƯỜNG 16M)	TRỌN ĐƯỜNG		23.400
11	CÁC ĐƯỜNG 1A, 2, 3, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG (ĐƯỜNG 15M)	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
12	CÁC ĐƯỜNG 2, 2A, 2B, 4, 6, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG (ĐƯỜNG 12M)	TRỌN ĐƯỜNG		21.700
13	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1A, 1B, 3A, 4B, 6C, 8, 8A, 10, 11, 13, 15, 15A, 17A, 20, 21B, 22, 24, 24A, 24B, 25B, 27, 28, 30, 32, 32A, 33, 34, 34A, 36, 41 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐB, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
14	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 3, 4, 5, 9 THUỘC KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
15	CÁC ĐƯỜNG SỐ 3A, 4A, 5A, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		16.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	CÁC ĐƯỜNG SỐ 4A, 5A, 6A, 6B, 7A, 8B, 8C, 12, 12A, 12B, 16, 18, 19A, 19B, 19C, 19D, 19E, 19F, 21, 21A, 21E, 23, 25, 25A, 26, 28A, 31, 31A, 32B, 33A, 33B, 34B, 39 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐ B, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
17	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 5 THUỘC DỰ ÁN CƯ XÁ PHỦ LÂM C MỞ RỘNG (PHƯỜNG AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
18	CÁC ĐƯỜNG SỐ 3, 4 THUỘC DỰ ÁN CƯ XÁ PHỦ LÂM C MỞ RỘNG (PHƯỜNG AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
19	CÁC ĐƯỜNG SỐ 6E, 6D, 21D THUỘC DỰ ÁN KHU PHỐ CHỢ DA SÀ (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
20	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 4, 6 THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ THẮNG LONG (PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
21	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HAI THÀNH (PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
22	CẦU KINH	NGUYỄN CỬU PHÚ	NGUYỄN VĂN CỰ	10.900
23	CÂY CÀM	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
24	CHIẾN LƯỢC	MÃ LÒ	QUỐC LỘ 1A	19.400
		TÂN HÒA ĐÔNG	MÃ LÒ	24.700
25	DƯƠNG BÁ CUNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	DƯƠNG TỰ QUẢN	21.800
26	DƯƠNG TỰ QUẢN	HOẢNG VĂN HỢP	CUỐI ĐƯỜNG	21.800
27	ĐẤT MỚI (TRƯỚC ĐÂY LÀ ĐƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG)	LÊ VĂN QUỐI	TỈNH LỘ 10	31.400
28	ĐÌNH NGHI XUÂN, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	LIÊN KHU 5-11-12	24.200
29	ĐÌNH TÂN KHAI, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	HƯƠNG LỘ 2	CUỐI ĐƯỜNG	18.500
30	ĐỖ NĂNG TẾ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 17	19.600
31	ĐOÀN PHÚ TỨ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	18.100
32	ĐƯỜNG 504, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		18.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	ĐƯỜNG 532, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		18.100
34	ĐƯỜNG BIA TRUYỀN THÔNG	TỈNH LỘ 10	LÊ ĐÌNH CÁN	20.400
35	ĐƯỜNG BỜ SÔNG	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	19.600
36	ĐƯỜNG BỜ TUYẾN	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	19.500
37	ĐƯỜNG MIÊU BÌNH ĐÔNG	LÊ VĂN QUỐI	ĐƯỜNG SỐ 3	23.900
38	ĐƯỜNG MIÊU GÒ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
39	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		28.300
40	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
41	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	20.900
42	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	26.400
43	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	16.500
44	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	ĐƯỜNG SỐ 2	16.500
45	ĐƯỜNG SỐ 1 THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HAI THÀNH (PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
46	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 7 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CẦU KINH	20.100
47	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 5 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	20.100
48	ĐƯỜNG SỐ 1B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	MIÊU BÌNH ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 6	16.500
49	ĐƯỜNG SỐ 1C, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
50	ĐƯỜNG SỐ 1C, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		21.700
51	ĐƯỜNG SỐ 1D, KP4-PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 4C	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
52	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	GÒ XOÀI	LIÊN KHU 8-9	16.500
53	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỐI	CUỐI ĐƯỜNG	17.500
54	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	MÃ LÒ	CUỐI ĐƯỜNG	16.500

4

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
55	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
56	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 4-5	19.700
57	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
58	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		21.700
59	ĐƯỜNG SỐ 2A, 2B, 2C, THUỘC KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
60	ĐƯỜNG SỐ 2A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	GÒ XOÀI	LIÊN KHU 8-9	16.500
61	ĐƯỜNG SỐ 2B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
62	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
63	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU PHỐ 7 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	20.100
64	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 2	32.000
65	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	BÌNH LONG	CUỐI ĐƯỜNG	26.400
66	ĐƯỜNG SỐ 3A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	DỰ ÁN 415	16.500
67	ĐƯỜNG SỐ 3B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	16.500
68	ĐƯỜNG SỐ 3B, 3C, 3, 5, THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
69	ĐƯỜNG SỐ 3C, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	16.500
70	ĐƯỜNG SỐ 4, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		41.200
71	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
72	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	14.600
73	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	DỰ ÁN 415	19.900
74	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 8	19.700
75	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		21.700

5

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
76	ĐƯỜNG SỐ 4C, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		24.700
77	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		41.200
78	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	HƯƠNG LỘ 3	QUỐC LỘ 1A	20.700
79	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	26.400
80	ĐƯỜNG SỐ 5A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	KÊNH NƯỚC ĐEN	CUỐI ĐƯỜNG	16.500
81	ĐƯỜNG SỐ 5B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		29.900
82	ĐƯỜNG SỐ 5B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 8	16.500
83	ĐƯỜNG SỐ 5C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5E	DỰ ÁN 415	16.500
84	ĐƯỜNG SỐ 5D, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	CUỐI ĐƯỜNG	16.500
85	ĐƯỜNG SỐ 5E, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5C	CUỐI ĐƯỜNG	16.500
86	ĐƯỜNG SỐ 5F, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	KÊNH NƯỚC ĐEN	16.500
87	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		21.700
88	ĐƯỜNG SỐ 6 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		32.000
89	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
90	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỐI	CUỐI ĐƯỜNG	17.500
91	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		32.000
92	ĐƯỜNG SỐ 6 (LIÊN KHU 5 CŨ), PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	TRỌN ĐƯỜNG		14.200
93	ĐƯỜNG SỐ 7 KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
94	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
95	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	24.800

6

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
96	ĐƯỜNG SỐ 7A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	KÊNH NƯỚC ĐEN	DỰ ÁN 415	16.500
97	ĐƯỜNG SỐ 7B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		32.000
98	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HƯỚNG LỘ 3	20.700
99	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	KÊNH NƯỚC ĐEN	20.500
100	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5-6	19.700
101	ĐƯỜNG SỐ 8B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	16.500
102	ĐƯỜNG SỐ 8D, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
103	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
104	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 9A	23.200
105	ĐƯỜNG SỐ 9A, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
106	ĐƯỜNG SỐ 9A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	DỰ ÁN 415	CUỐI ĐƯỜNG	16.500
107	ĐƯỜNG SỐ 9B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		24.700
108	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	ĐƯỜNG 26/2	CUỐI ĐƯỜNG	20.700
109	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	17.500
110	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5-6	19.700
111	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	ĐƯỜNG 26/2	CUỐI ĐƯỜNG	20.700
112	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 17	16.500
113	ĐƯỜNG SỐ 11A, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		24.700
114	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG 26/3	20.500
115	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		14.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
116	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	HƯỚNG LỘ 3	ĐƯỜNG 26/3	20.700
117	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	16.500
118	ĐƯỜNG SỐ 13A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	16.500
119	ĐƯỜNG SỐ 13A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
120	ĐƯỜNG SỐ 13B, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
121	ĐƯỜNG SỐ 13C, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
122	ĐƯỜNG SỐ 14, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
123	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	DỰ ÁN 415	17.500
124	ĐƯỜNG SỐ 14A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	CUỐI ĐƯỜNG	14.600
125	ĐƯỜNG SỐ 14B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	ĐƯỜNG SỐ 2	14.600
126	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG 26/3	CUỐI ĐƯỜNG	20.700
127	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	LÊ TRỌNG TÂN	CUỐI ĐƯỜNG	20.900
128	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
129	ĐƯỜNG SỐ 16A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	MIẾU GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	14.600
130	ĐƯỜNG SỐ 17, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
131	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TÂN KỶ-TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 19A	19.800
132	ĐƯỜNG SỐ 17A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
133	ĐƯỜNG SỐ 17B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
134	ĐƯỜNG SỐ 17C, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
135	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH	38.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
136	ĐƯỜNG SỐ 18A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	15.500
137	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	GÒ XOÀI	18.500
138	ĐƯỜNG SỐ 18C, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	15.500
139	ĐƯỜNG SỐ 18D, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
140	ĐƯỜNG SỐ 18E PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG 18B	TRỌN ĐƯỜNG (KHU PHỐ 1)	15.500
141	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
142	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ-TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	20.500
143	ĐƯỜNG SỐ 19A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	17.000
144	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
145	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	MÃ LÒ	15.500
146	ĐƯỜNG SỐ 21D, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
147	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	19.500
148	ĐƯỜNG SỐ 23A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
149	ĐƯỜNG SỐ 23B, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
150	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	19.500
151	ĐƯỜNG SỐ 24A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	17.500
152	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	MIẾU GÒ XOÀI	16.500
153	ĐƯỜNG SỐ 26/3 PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ	HƯƠNG LỘ 13 (LÊ TRỌNG TÁN)	CUỐI ĐƯỜNG	24.800
154	ĐƯỜNG SỐ 29 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		31.900
155	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 6	25.800
156	ĐƯỜNG SỐ 38A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	TỈNH LỘ 10	25.800
157	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	TỈNH LỘ 10	36.100
158	ĐƯỜNG SỐ 40A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	25.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
159	ĐƯỜNG SỐ 40B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49	ĐƯỜNG SỐ 51	22.700
160	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	25.800
161	ĐƯỜNG SỐ 42A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49B	ĐƯỜNG SỐ 51	22.700
162	ĐƯỜNG SỐ 43, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
163	ĐƯỜNG SỐ 44, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	25.800
164	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	32.000
165	ĐƯỜNG SỐ 46A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	CUỐI ĐƯỜNG	25.800
166	ĐƯỜNG SỐ 46B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 53A	22.700
167	ĐƯỜNG SỐ 47 PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 44	22.700
168	ĐƯỜNG SỐ 48, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	25.800
169	ĐƯỜNG SỐ 48A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55B	ĐƯỜNG SỐ 55	22.700
170	ĐƯỜNG SỐ 48B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
171	ĐƯỜNG SỐ 48C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	CUỐI ĐƯỜNG	22.700
172	ĐƯỜNG SỐ 49, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 46	ĐƯỜNG SỐ 40	36.100
173	ĐƯỜNG SỐ 49A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 40B	22.700
174	ĐƯỜNG SỐ 49B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 44	ĐƯỜNG SỐ 42	22.700
175	ĐƯỜNG SỐ 49C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 42A	ĐƯỜNG SỐ 44	22.700
176	ĐƯỜNG SỐ 50, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	25.800
177	ĐƯỜNG SỐ 50A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 55	22.700
178	ĐƯỜNG SỐ 50B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	ĐƯỜNG SỐ 57	22.700
179	ĐƯỜNG SỐ 50C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 53C	25.800
180	ĐƯỜNG SỐ 50D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	ĐƯỜNG SỐ 57A	22.700
181	ĐƯỜNG SỐ 51, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40	CUỐI ĐƯỜNG	23.700
182	ĐƯỜNG SỐ 52, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 59	25.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
183	ĐƯỜNG SỐ 52A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53D	ĐƯỜNG SỐ 55	22.700
184	ĐƯỜNG SỐ 52B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57C	ĐƯỜNG SỐ 57	22.700
185	ĐƯỜNG SỐ 53, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50C	ĐƯỜNG SỐ 46	22.700
186	ĐƯỜNG SỐ 53A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48	ĐƯỜNG SỐ 46A	23.700
187	ĐƯỜNG SỐ 53B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50A	ĐƯỜNG SỐ 50C	23.700
188	ĐƯỜNG SỐ 53C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52A	ĐƯỜNG SỐ 50A	23.700
189	ĐƯỜNG SỐ 53D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	23.700
190	ĐƯỜNG SỐ 54, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	25.800
191	ĐƯỜNG SỐ 54A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57	ĐƯỜNG SỐ 59	25.800
192	ĐƯỜNG SỐ 55, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 46	32.000
193	ĐƯỜNG SỐ 55A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50D	ĐƯỜNG SỐ 48A	23.700
194	ĐƯỜNG SỐ 55B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48C	ĐƯỜNG SỐ 46A	23.700
195	ĐƯỜNG SỐ 57, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 50	32.000
196	ĐƯỜNG SỐ 57A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52B	ĐƯỜNG SỐ 50B	23.700
197	ĐƯỜNG SỐ 57B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50B	ĐƯỜNG SỐ 50D	23.700
198	ĐƯỜNG SỐ 57C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	23.700
199	ĐƯỜNG SỐ 59, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
200	ĐƯỜNG SỐ 59B, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
201	GỖ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		27.300
202	HỒ HỌC LÂM	QUỐC LỘ 1A	RẠCH CÁT (PHỦ ĐỊNH)	29.700
203	HỒ VĂN LONG	NGUYỄN THỊ TÚ	ĐƯỜNG SỐ 7 (KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC)	26.300
204	HỒ VĂN LONG	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	19.200
205	HOÀNG VĂN HỢP	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG 1A	29.900
206	HƯƠNG LỘ 2	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
207	HƯƠNG LỘ 3	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 5	38.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
208	KÊNH C (NGUYỄN ĐÌNH KIÊN CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
209	KÊNH NƯỚC ĐEN, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		29.500
210	KÊNH NƯỚC ĐEN, PHƯỜNG AN LẠC A	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	21.800
211	KHIẾU NĂNG TỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.900
212	KINH DƯƠNG VƯƠNG	MŨI TÀU	CẦU AN LẠC	52.600
		CẦU AN LẠC	VÒNG XOAY AN LẠC	40.500
213	LÂM HOÀNH	KINH DƯƠNG VƯƠNG	SỐ 71 LÂM HOÀNH	21.700
		TỪ SỐ 71 LÂM HOÀNH	CUỐI ĐƯỜNG	21.700
214	LÊ CƠ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RANH KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	24.300
		RANH KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	30.000
215	LÊ CÔNG PHÉP	TRỌN ĐƯỜNG		18.100
216	LÊ ĐÌNH CÂN	QUỐC LỘ 1A	TỈNH LỘ 10	22.800
217	LÊ ĐÌNH DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		22.100
218	LÊ NGUNG	NGUYỄN CỬU PHÚ	VÔ TRẦN CHÍ	11.900
219	LÊ TẤN BÊ	TRỌN ĐƯỜNG		24.300
220	LÊ TRỌNG TẤN	CẦU BUNG	QUỐC LỘ 1A	43.800
221	LÊ VĂN QUỐI	TRỌN ĐƯỜNG		40.800
222	LIÊN KHU 1 - 6 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
223	LIÊN KHU 2 - 5 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TÂN HÒA ĐÔNG	HƯƠNG LỘ 2	26.700
224	LIÊN KHU 2-10, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HOÀ A	LỘ TƯ	GÒ XOÀI	16.600
225	LIÊN KHU 4-5, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HOÀ B	TRỌN ĐƯỜNG		14.200
226	LIÊN KHU 5-6, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HOÀ B	TRỌN ĐƯỜNG		14.200
227	LIÊN KHU 5-11-12, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	TÂN HÒA ĐÔNG	ĐÌNH NGHI XUÂN	26.700
228	LIÊN KHU 7-13, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HOÀ A	ĐƯỜNG SỐ 8B	DỰ ÁN 415	16.500
229	LIÊN KHU 8-9, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HOÀ A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	15.500
230	LIÊN KHU PHỐ 10-11, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	CUỐI ĐƯỜNG	29.500
231	LIÊN KHU 16 - 18 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		21.800
232	LỘ TÊ	TRỌN ĐƯỜNG		19.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
233	LỘ TỰ	MÃ LỘ	ĐƯỜNG GỖ XOÀI	15.500
234	MÃ LỘ	TỈNH LỘ 10	TÂN KỶ TÂN QUÝ	31.900
235	BÌNH THÀNH	NGUYỄN THỊ TÚ	HÈM 399 BÌNH THÀNH	27.900
		HÈM 399 BÌNH THÀNH	ĐƯỜNG SỐ 2 (BHH B)	36.100
		ĐƯỜNG SỐ 2 (BHH B)	LIÊN KHU 4-5	27.900
236	NGÔ Y LINH	AN DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	17.600
237	NGUYỄN CỬU PHÚ	TỈNH LỘ 10	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	19.500
238	NGUYỄN HỐI	KINH DƯƠNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	22.900
239	NGUYỄN QUÝ YÊM	AN DƯƠNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	17.600
240	NGUYỄN THỊ TÚ	QUỐC LỘ 1A	VĨNH LỘC	37.000
241	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN THỨC TỰ	27.000
242	NGUYỄN THỨC TỰ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	HOÀNG VĂN HỢP	21.800
243	NGUYỄN TRIỆU LUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		13.600
244	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	21.800
245	NGUYỄN VĂN CỰ	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
246	PHẠM BÀNH	NGUYỄN THỨC TỰ	PHAN CÁT TỰU	20.600
247	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	RANH QUẬN 12	QUỐC LỘ 1A	40.300
248	PHAN CÁT TỰU	TRỌN ĐƯỜNG		19.600
249	PHAN ANH	NGÃ TƯ BỐN XÃ	TÂN HÒA ĐÔNG	37.300
250	PHAN ĐÌNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		23.900
251	PHÙNG TÁ CHU	BÀ HOM	KHIẾU NĂNG TỈNH	20.900
252	QUỐC LỘ 1A	GIÁP RANH BÌNH CHÁNH	GIÁP HUYỆN HÓC MÔN	25.600
253	SINCO	TRỌN ĐƯỜNG		16.900
254	SÔNG SUỐI	QUỐC LỘ 1A	RANH SÔNG SUỐI	19.100
255	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	19.600
256	TÂN HÒA ĐÔNG	AN DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2	32.400
257	TÂN KỶ TÂN QUÝ	BÌNH LONG	QUỐC LỘ 1A	38.600
258	TẬP ĐOÀN 6B	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	14.200
259	TÂY LÂN	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	17.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
260	TÊN LỬA	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 29	45.400
		ĐƯỜNG SỐ 29	TỈNH LỘ 10	35.100
261	TỈNH LỘ 10	CÂY DA SÀ	QUỐC LỘ 1A	31.800
		QUỐC LỘ 1A	CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	26.900
		CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	RANH BÌNH CHÁNH	24.500
262	TRẦN ĐẠI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		27.400
263	TRẦN THANH MẠI	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	19.500
264	TRẦN VĂN GIÀU	TÊN LỬA	QUỐC LỘ 1A	45.400
		QUỐC LỘ 1A	GIÁP RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	22.300
265	TRƯƠNG PHƯỚC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		25.000
266	VÀNH ĐẠI TRONG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2 (BÌNH TRỊ ĐÔNG)	46.400
267	VĨNH LỘC (HƯƠNG LỘ 80)	NGUYỄN THỊ TÚ	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	23.700
268	VÕ VĂN VÂN	TỈNH LỘ 10	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	18.700
269	VŨ HỮU	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	18.800
270	VƯƠNG VĂN HUỐNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
271	VÕ VĂN KIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		43.400
272	HOÀNG HÙNG	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	17.300
273	VÕ TRẦN CHỈ	QUỐC LỘ 1A	RANH BÌNH CHÁNH	12.800
274	ĐƯỜNG SỐ 7, KHU DÂN CƯ AN LẠC - PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	AN DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	45.400
275	CÁC ĐƯỜNG 1, 1A, 1B, 1C, 2, 2A, 2 NỐI DÀI, 3A, 3B, 3C VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI CỦA KHU TĐC LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		29.500
276	CÁC ĐƯỜNG 1, 2, 3, 5, 7, 9 KDC LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		29.500
277	CÁC ĐƯỜNG 2B, 3A NỐI DÀI, 3B NỐI DÀI, 3C NỐI DÀI, 2C NỐI DÀI, 2D NỐI DÀI THUỘC KHU TĐC AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		28.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
278	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 THUỘC KDC HƯƠNG LỘ 5	TRỌN ĐƯỜNG		29.700
279	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 4, 4 NỘI DÀI KDC LÊ THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		27.000
280	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
281	ĐƯỜNG KINH 1	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
282	ĐƯỜNG KINH 2	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
283	ĐƯỜNG KINH 3	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
284	ĐƯỜNG KINH 4	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
285	ĐƯỜNG KINH 5	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
286	ĐƯỜNG SỐ 20 (KP8)	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
287	ĐƯỜNG SỐ 16A (KP11)	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
288	ĐƯỜNG SỐ 18	TRỌN ĐƯỜNG		19.500
289	ĐƯỜNG SỐ 1A (KP26)	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
290	ĐƯỜNG SỐ 1A (KP9)	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
291	ĐƯỜNG SỐ 3D (KP7)	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
292	ĐƯỜNG SỐ 4 (KP22)	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
293	ĐƯỜNG 1,2,3,8 THUỘC KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
294	ĐƯỜNG 1A, 1B, 1C, 2A, 2B, 3A, 3B, 3C, 3D, 4, 4A, 4B, 5, 5A, 5B, 5C, 6, 6A, 6B, 10, 10A, 10B, 10C, 12, 12A, 12B, 12C, 14, 14A, 14B, 14C, 14D, 14E, 14F, 16, 16A, THUỘC KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		26.300
295	TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG SỐ 29 ĐẾN ĐƯỜNG TỈNH LỘ 10 (THUỘC DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG ĐƯỜNG TÊN LỬA	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
296	TUYẾN ĐƯỜNG RẠCH BÀ TIẾNG (THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH BÀ TIẾNG	TRỌN ĐƯỜNG		29.900
297	ĐƯỜNG SỐ 20, 22, 17 (LỘ GIỚI 16M, KHU DÂN CƯ PHỤ TRỢ PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA)	TRỌN ĐƯỜNG		33.100
298	ĐƯỜNG SỐ 17A, 17B (LỘ GIỚI 12M, KHU DÂN CƯ PHỤ TRỢ PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA)	TRỌN ĐƯỜNG		29.800

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN TÂN PHÚ**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ÂU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
2	BÁC ÁI	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT NHÀ SỐ 98 ĐƯỜNG BÁC ÁI)	38.900
3	BÌNH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
4	BÙI CẨM HỒ	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HOÁ	32.400
5	BÙI XUÂN PHẢI	LÊ TRỌNG TÂN	CUỐI ĐƯỜNG	33.600
6	CẦU XẾO	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
7	CÁCH MẠNG	LŨY BÁN BÍCH	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	44.200
8	CAO VĂN NGỌC	KHUÔNG VIỆT	KHUÔNG VIỆT	36.500
9	CHÂN LÝ	ĐỘC LẬP	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	29.200
10	CHẾ LAN VIÊN	TRƯỜNG CHÍNH	CUỐI ĐƯỜNG	38.100
11	CHU THIÊN	NGUYỄN MỸ CA	TỔ HIỆU	40.500
12	CHU VĂN AN	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG	46.600
13	CỘNG HOÀ 3	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN HUYỀN	30.800
14	DÂN CHỦ	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	38.900
15	DÂN TỘC	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
16	DƯƠNG KHUÊ	LŨY BÁN BÍCH	TỔ HIỆU	40.500
17	DƯƠNG ĐỨC HIỀN	LÊ TRỌNG TÂN	CHẾ LAN VIÊN	43.800
18	DƯƠNG THIỆU TƯỚC	LÝ TUỆ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	30.400
19	DƯƠNG VĂN DƯƠNG	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐỒ THỪA LUÔNG	44.600
20	DIỆP MINH CHÂU	TÂN SƠN NHÌ	TRƯƠNG VĨNH KÝ	48.600
21	ĐÀM THÂN HUY	TRỌN ĐƯỜNG		47.000
22	ĐẶNG THỂ PHONG	ÂU CƠ	TRẦN TÂN	32.400
23	ĐÌNH LIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
24	ĐOÀN HỒNG PHƯỚC	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	HUỲNH THIÊN LỘC	32.400
25	ĐOÀN GIỚI	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
26	ĐOÀN KẾT	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TƯ DO 1	40.500
27	ĐỒ BÌ	TRỌN ĐƯỜNG		31.200
28	ĐỒ CÔNG TƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
29	ĐỒ ĐỘC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
30	ĐỒ ĐỘC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
31	ĐỒ ĐỘC LONG	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
32	ĐỒ ĐỘC THỦ	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
33	ĐỒ ĐỨC DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		37.500
34	ĐỒ THỊ TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
35	ĐỒ THỪA LUÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
36	ĐỒ THỪA TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
37	ĐỒ NHUẬN	LÊ TRỌNG TẤN	CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ	38.500
		CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	29.600
38	ĐỘC LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		52.700
39	ĐƯỜNG C1	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C2	28.400
40	ĐƯỜNG C4	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C7	30.400
41	ĐƯỜNG C4A	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG C1	30.400
42	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C2	28.400
43	ĐƯỜNG C6	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C7	28.400
44	ĐƯỜNG C6A	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG C1	28.400
45	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C7	ĐƯỜNG S11	30.400
46	ĐƯỜNG CC1	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CC2	27.600
47	ĐƯỜNG CC2	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN1	26.400
48	ĐƯỜNG CC3	ĐƯỜNG CC4	ĐƯỜNG CC2	36.500
49	ĐƯỜNG CC4	ĐƯỜNG CC5	ĐƯỜNG CN1	26.400
50	ĐƯỜNG CC5	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CC2	28.400
51	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	LÊ TRỌNG TẤN	32.400
52	ĐƯỜNG CN6	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CN11	44.600
53	ĐƯỜNG CN11	ĐƯỜNG CN1	TÂY THANH	38.500
54	ĐƯỜNG D9	TÂY THANH	CHÈ LAN VIỆN	37.300
55	ĐƯỜNG D14A	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	32.400
56	ĐƯỜNG DC1	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
57	ĐƯỜNG DC11	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
58	ĐƯỜNG D10	ĐƯỜNG D9	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
59	ĐƯỜNG D11	ĐƯỜNG D10	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
60	ĐƯỜNG D12	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	32.400
61	ĐƯỜNG D13	TÂY THANH	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
62	ĐƯỜNG D14B	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	32.400
63	ĐƯỜNG D15	ĐƯỜNG D10	CUỐI ĐƯỜNG	28.400
64	ĐƯỜNG D16	ĐƯỜNG D9	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
65	ĐƯỜNG DC3	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
66	ĐƯỜNG DC4	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN11	32.400
67	ĐƯỜNG DC5	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
68	ĐƯỜNG DC7	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
69	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
70	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	BÌNH LONG	LƯU CHỈ HIỆU	30.800
71	ĐƯỜNG 30/4	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
72	ĐƯỜNG TÂN THẮNG (TÊN CŨ: BỎ BAO TÂN THẮNG)	BÌNH LONG	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	36.500
73	ĐƯỜNG CÂY KEO	LŨY BÁN BÍCH	TÔ HIỆU	47.600
74	ĐƯỜNG S5	ĐƯỜNG S2	KÊNH 19/5	32.800
75	ĐƯỜNG S1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	CUỐI ĐƯỜNG	34.000
76	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	TÂY THANH	32.800
77	ĐƯỜNG S3	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	ĐƯỜNG S2	32.400
78	ĐƯỜNG S7	ĐƯỜNG S2	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	32.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	ĐƯỜNG S9	ED	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	32.400
80	ĐƯỜNG S2 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG S11	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
81	ĐƯỜNG C2 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG S11	LƯU CHÍ HIẾU	34.000
82	ĐƯỜNG S4 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG S1	ĐƯỜNG S11	34.000
83	ĐƯỜNG T3 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG T2	KÊNH 19/5	31.600
84	ĐƯỜNG T5 (P. TÂY THANH)	ĐƯỜNG T4A	KÊNH 19/5	31.600
85	ĐƯỜNG SỐ 1	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TỎ	40.900
86	ĐƯỜNG SỐ 2	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TỎ	34.500
87	ĐƯỜNG KÊNH NƯỚC ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
88	ĐƯỜNG KÊNH TÂN HOÁ	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
89	ĐƯỜNG SỐ 18 (P.TÂN QUÝ)	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
90	ĐƯỜNG SỐ 27 (P.SƠN KỶ)	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
91	ĐƯỜNG T1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	CUỐI ĐƯỜNG	31.600
92	ĐƯỜNG T4A	ĐƯỜNG T3	ĐƯỜNG T5	31.800
93	ĐƯỜNG T4B	ĐƯỜNG T3	ĐƯỜNG T5	31.800
94	ĐƯỜNG T6	LÊ TRỌNG TÂN	ĐƯỜNG S1	36.500
95	GỖ DẦU	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
96	HÀN MẶC TỬ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	34.500
97	HIỀN VƯƠNG	VĂN CAO PHAN VĂN NĂM	PHAN VĂN NĂM CUỐI ĐƯỜNG	44.600 44.600
98	HỒ ĐẮC DI	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
99	HỒ NGỌC CÀN	TRẦN HƯNG ĐẠO	THỐNG NHẤT	38.900
100	HOA BÀNG	NGUYỄN CỬU ĐÀM	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
101	HÒA BÌNH	KHUÔNG VIỆT LỮ BÁN BÍCH	LỮ BÁN BÍCH NGÃ TƯ 4 XÃ	54.700 43.800
102	HOÀNG NGỌC PHÁCH	NGUYỄN SƠN	LÊ THỨC HOẠCH	39.500
103	HOÀNG THIỀU HOA	THẠCH LAM	HOÀ BÌNH	44.600
104	HOÀNG VĂN HOÈ	TRỌN ĐƯỜNG		33.600
105	HOÀNG XUÂN HOÀNH	LỮ BÁN BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	34.500
106	HOÀNG XUÂN NHỊ	ẤU CƠ	KHUÔNG VIỆT	38.500
107	HUỲNH VĂN CHÍNH	KHUÔNG VIỆT	CHUNG CƯ HUỲNH VĂN CHÍNH I	40.500
108	HUỲNH VĂN MỘT	LỮ BÁN BÍCH	TỔ HIỆU	35.700
109	HUỲNH VĂN GÁM	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HỒ ĐẮC DI	34.000
110	HUỲNH THIÊN LỘC	LỮ BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HOÁ	40.500
111	ÍCH THIÊN	PHỐ CHỢ	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	34.500
112	KHUÔNG VIỆT	ẤU CƠ	HOÀ BÌNH	45.000
113	LÊ CAO LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		35.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
114	LÊ CẢNH TUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
115	LÊ KHÔI	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
116	LÊ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
117	LÊ LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		34.900
118	LÊ LIỄU	TRỌN ĐƯỜNG		34.900
119	LÊ LƯ	TRỌN ĐƯỜNG		34.900
120	LÊ LỘ	TRỌN ĐƯỜNG		48.200
121	LÊ ĐẠI	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
122	LÊ NGÃ	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
123	LÊ NIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
124	LÊ ĐÌNH THẨM	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
125	LÊ ĐÌNH THỤ	VƯỜN LÀI	ĐƯỜNG SỐ 1	35.700
126	LÊ QUANG CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		31.600
127	LÊ QUỐC TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
128	LÊ SAO	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
129	LÊ SÁT	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
130	LÊ QUÁT	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÓA	33.600
131	LÊ THẬN	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	CHU THIÊN	32.400
132	LÊ THIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		34.900
133	LÊ THỨC HOẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		47.000
134	LÊ TRỌNG TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
135	LÊ VĂN PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		51.900
136	LÊ VĨNH HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		36.700
137	LƯƠNG MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
138	LƯƠNG ĐẮC BĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
139	LƯƠNG THẾ VINH	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
140	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		39.900
141	LƯU CHÍ HIẾU	CHẾ LAN VIÊN	ĐƯỜNG C2	37.300
		ĐƯỜNG C2	KÊNH 19/5	32.400
142	LŨY BÁN BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
143	LỠ THÁI TỔNG	TRỌN ĐƯỜNG		33.900
144	LỠ THÁNH TỔNG	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
145	LỠ TUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
146	NGÔ QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
147	NGHIÊM TOÀN	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI HẸM 568 LŨY BÁN BÍCH	38.500
		THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI HẸM 48 THOẠI NGỌC HẦU	32.400
148	NGUY NHƯ KONTUM	THẠCH LAM	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
149	NGUYỄN BÁ TỔNG	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
150	NGUYỄN CHÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
151	NGUYỄN CỬU ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		52.700
152	NGUYỄN DŨ	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
153	NGUYỄN ĐỖ CUNG	LÊ TRONG TẤN	PHẠM NGỌC THẢO	33.500
154	NGUYỄN HẢO VĨNH	GỖ DẦU	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
155	NGUYỄN HẦU	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
156	NGUYỄN HỮU DẬT	TRỌN ĐƯỜNG		37.300
157	NGUYỄN HỮU TIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		37.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
158	NGUYỄN LỘ TRẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
159	NGUYỄN LÝ	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
160	NGUYỄN MINH CHÂU	ÂU CƠ	HÈM 25 NGUYỄN MINH CHÂU	38.500
161	NGUYỄN MỸ CA	ĐƯỜNG CÂY KEO	TRẦN QUANG QUÁ	32.400
162	NGUYỄN NGHIÊM	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
163	NGUYỄN NGỌC NHỰT	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
164	NGUYỄN NHỮ LÂM	NGUYỄN SƠN	PHÚ THỌ HÒA	35.700
165	NGUYỄN SÁNG	LÊ TRỌNG TÂN	NGUYỄN ĐỖ CUNG	30.800
166	NGUYỄN SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		59.600
167	NGUYỄN SÚY	TRỌN ĐƯỜNG		42.600
168	NGUYỄN QUANG ĐIỀU	NGUYỄN SÚY	HÈM 20 PHẠM NGỌC	32.400
169	NGUYỄN QUÝ ANH	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HÈM 15 CẦU XÉO	36.500
170	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
171	NGUYỄN THỂ TRUYỀN	TRƯỞNG VĨNH KỶ	CUỐI ĐƯỜNG	44.600
172	NGUYỄN THIỀU LÂU	TỔ HIỆU	LÊ THÂN	34.500
173	NGUYỄN TRƯỞNG TÔ	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
174	NGUYỄN TRỌNG QUYÊN	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÒA	32.400
175	NGUYỄN VĂN DƯỠNG	TRỌN ĐƯỜNG		31.200
176	NGUYỄN VĂN HUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
177	NGUYỄN VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
178	NGUYỄN VĂN SẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
179	NGUYỄN VĂN TÔ	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
180	NGUYỄN VĂN VỊNH	HÒA BÌNH	LÝ THÁNH TỔNG	36.100
181	NGUYỄN VĂN YÊN	PHAN ANH	TỔ HIỆU	30.800
182	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TRỌN ĐƯỜNG		43.800
183	PHẠM NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
184	PHẠM NGỌC THẢO	DƯƠNG ĐỨC HIỀN	NGUYỄN HỮU DẬT	33.500
185	PHẠM VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
186	PHẠM VĂN XẢO	TRỌN ĐƯỜNG		44.600
187	PHẠM QUÝ THÍCH	LÊ THỨC HOẠCH	TÂN HƯƠNG	38.900
188	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		37.900
189	PHAN CHU TRÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
190	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
191	PHAN VĂN NĂM	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
192	PHỐ CHỢ	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
193	PHÙNG CHỈ KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
194	PHÚ THỌ HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		55.100
195	QUÁCH ĐÌNH BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
196	QUÁCH VŨ	TRỌN ĐƯỜNG		37.300
197	QUÁCH HỮU NGHIÊM	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
198	SƠN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
199	TÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		52.700
200	TÂN KỶ TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		42.100
201	TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
202	TÂN SƠN NHÌ	TRỌN ĐƯỜNG		60.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
203	TÂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
204	TÂY SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
205	TÂY THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		47.000
206	THẨM MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
207	THẠCH LAM	TRỌN ĐƯỜNG		42.600
208	THÀNH CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		42.600
209	THOẠI NGỌC HẦU	ẤU CỐ	LŨY BÁN BÍCH	51.900
		LŨY BÁN BÍCH	PHAN ANH	40.500
210	THỐNG NHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		47.000
211	TỔ HIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
212	TỰ DO 1	TRỌN ĐƯỜNG		43.000
213	TỰ QUYẾT	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
214	TRẦN HƯNG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
215	TRẦN QUANG CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
216	TRẦN QUANG QUÁ	TỔ HIỆU	NGUYỄN MỸ CA	30.800
217	TRẦN TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
218	TRẦN THỦ ĐỘ	VĂN CAO	PHAN VĂN NĂM	45.400
219	TRẦN VĂN CÂN	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
220	TRẦN VĂN GIÁP	LÊ QUANG CHIÊU	HÈM THẠCH LAM	31.600
221	TRẦN VĂN ƠN	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
222	TRINH LÔI	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
223	TRINH ĐÌNH THẢO	TRỌN ĐƯỜNG		42.600
224	TRINH ĐÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		40.900
225	TRƯƠNG VĨNH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
226	TRƯƠNG VĂN LĨNH	TRƯƠNG VĨNH KÝ	DÂN TỘC	36.500
227	TRƯỜNG CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		54.700
228	VĂN CAO	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
229	VAN HẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
230	VÕ CÔNG TÔN	TÂN HƯƠNG	HÈM 211 TÂN QUÝ	36.500
231	VÕ HOÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		34.500
232	VÕ VĂN DŨNG	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
233	VƯỜN LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		57.500
234	VŨ TRỌNG PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
235	YẾN ĐỒ	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
236	Ỡ LAN	TRỌN ĐƯỜNG		40.900
237	ĐƯỜNG A KHU ADC	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	34.500
238	ĐƯỜNG B KHU ADC	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	34.500
239	ĐƯỜNG SỐ 41	VƯỜN LÀI	KÊNH NƯỚC ĐEN	32.400
240	ĐƯỜNG B1	ĐƯỜNG B4	TÂY THẠNH (CHƯA THÔNG)	32.400
241	ĐƯỜNG B2	ĐƯỜNG B1	HÈM 229 TÂY THẠNH	32.400
242	ĐƯỜNG B3	TÂY THẠNH	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
243	ĐƯỜNG B4	ĐƯỜNG B1	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
244	ĐƯỜNG T8	ĐƯỜNG T3	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
245	ĐƯỜNG DC6	TRỌN ĐƯỜNG		35.100
246	ĐƯỜNG DC13	TRỌN ĐƯỜNG		37.300
247	ĐƯỜNG DC8	TRỌN ĐƯỜNG		36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
248	HÀ THỊ ĐÁT	CẦU XÉO	HOA BĂNG	32.400
249	T2	T3	HÈM 296 TÔ HIỆU	31.600
250	CN13	LÊ TRỌNG TẤN	CN1	38.500
251	PHAN THỊ HÀNH	HÈM 2/2 LÊ THỨC HOẠCH	NHÀ SỐ 2/2/9 LÊ THỨC HOẠCH	32.400
252	TRẦN THỊ BẢO	PHAN ANH	TÔ HIỆU	32.400
253	TRỊNH THỊ THO	THẠCH LAM	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	32.400
254	TRẦN THỊ SA	CHU THIÊN	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	32.400

Phụ lục 4

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẬN GÒ VẤP***(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	AN HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		22.100
2	AN NHƠN	TRỌN ĐƯỜNG		25.900
3	NGUYỄN VĂN KHÔI	PHẠM VĂN CHIÊU	LÊ VĂN THỌ	33.200
		LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 8	33.200
4	DƯƠNG QUẢNG HÀM	TRỌN ĐƯỜNG		34.900
5	HẠNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		31.200
6	HOÀNG HOA THẨM	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
7	HOÀNG MINH GIÁM	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	NGUYỄN KIỆM	53.300
8	HUỲNH KHƯƠNG AN	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
9	HUỲNH VĂN NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
10	LÊ ĐỨC THỌ	PHAN VĂN TRỊ	NGUYỄN OANH	50.700
		NGUYỄN OANH	THỐNG NHẤT	48.100
		THỐNG NHẤT	CẦU TRƯỜNG ĐÀI	37.000
11	LÊ HOÀNG PHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		33.100
12	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		29.500
13	LÊ LỢI	NGUYỄN VĂN NGHI	LÊ LAI	34.900
		LÊ LAI	PHẠM VĂN ĐỒNG	32.700
14	LÊ QUANG ĐỊNH	CẦU HANG	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	47.400
15	LÊ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		29.600
16	LÊ VĂN THỌ	QUANG TRUNG	PHẠM VĂN CHIÊU	34.900
		PHẠM VĂN CHIÊU	LÊ ĐỨC THỌ	34.000
17	LƯƠNG NGỌC QUYÊN	PHAN VĂN TRỊ	BÌNH THẠNH	31.200
		NGUYỄN VĂN NGHI	PHAN VĂN TRỊ	24.100
18	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		28.100
19	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	LÊ QUANG ĐỊNH	PHẠM VĂN ĐỒNG	22.700
20	NGUYỄN DU	TRỌN ĐƯỜNG		29.500
21	NGUYỄN HỒNG	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	31.200
22	NGUYỄN KIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		53.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
23	NGUYỄN OANH	NGÃ SÁU	PHAN VĂN TRỊ	54.500
		PHAN VĂN TRỊ	LÊ ĐỨC THỌ	57.900
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU AN LỘC	46.700
24	NGUYỄN THÁI SƠN	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	NGUYỄN KIỂM	47.600
		NGUYỄN KIỂM	PHẠM NGŨ LÃO	54.700
		PHẠM NGŨ LÃO	PHAN VĂN TRỊ	56.700
		PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	43.700
		DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	41.100
25	NGUYỄN THUỘNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
26	NGUYỄN TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		26.100
27	NGUYỄN VĂN BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		32.700
28	NGUYỄN VĂN CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		39.000
29	NGUYỄN VĂN DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
30	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	THỐNG NHẤT	NGUYỄN OANH	48.800
		NGUYỄN OANH	CÔNG VIÊN VĂN HÓA	48.800
31	NGUYỄN VĂN NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		47.600
32	PHẠM HUY THÔNG	PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM (BỔ SUNG THÊM TỪ DƯƠNG QUẢNG HÀM ĐẾN THAM LƯƠNG) THÀNH TRỌN ĐƯỜNG	34.900
33	PHẠM NGŨ LÃO	TRỌN ĐƯỜNG		42.100
34	PHẠM VĂN CHIÊU	QUANG TRUNG	LÊ VĂN THỌ	41.300
		LÊ VĂN THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	37.500
35	PHẠM VĂN BẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		39.200
36	PHAN HUY ÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		41.300
37	PHAN VĂN TRỊ	PHẠM VĂN ĐÔNG	NGUYỄN THÁI SƠN	58.300
		NGUYỄN THÁI SƠN	NGUYỄN OANH	51.200
		NGUYỄN OANH	THỐNG NHẤT	47.400
38	QUANG TRUNG	NGÃ SÁU GỖ VẤP	LÊ VĂN THỌ	66.800
		LÊ VĂN THỌ	TÂN SƠN	53.700
		TÂN SƠN	CHỢ CẦU	45.500
39	TÂN SƠN	QUANG TRUNG	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	39.200
40	THÍCH BỬU ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		27.300
41	THIÊN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		27.300
42	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ ĐỨC THỌ	40.100
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU BẾN PHÂN	35.000
		SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
43	THÔNG TÂY HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
44	TRẦN BÁ GIAO	CHUNG CƯ HÀ KIỀU	NGUYỄN THÁI SƠN	23.200
45	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		31.100
46	TRẦN PHÚ CƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		33.100
47	TRẦN QUỐC TUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		35.000
48	TRẦN THỊ NGHĨ	TRỌN ĐƯỜNG		43.000
49	TRUNG NỮ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		33.700
50	TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ	TRỌN ĐƯỜNG		21.400
51	TRƯƠNG MINH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		26.800
52	TÚ MỠ	TRỌN ĐƯỜNG		27.300
53	BÙI QUANG LÀ	PHAN VĂN BẠCH	PHAN HUY ÍCH	25.100
54	ĐỖ THỨC TỊNH	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG SỐ 17	29.200
55	NGUYỄN DUY CUNG	ĐƯỜNG SỐ 19	PHAN HUY ÍCH	25.100
56	NGUYỄN TƯ GIẢN	ĐƯỜNG SỐ 34	PHAN HUY ÍCH	25.100
57	PHẠM VĂN ĐỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		61.300
58	TÔ NGỌC VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		17.400

BẢNG 10**BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI THUƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	QUẬN 2 (CŨ)			
1	TRẦN NẢO	XA LỘ HÀ NỘI	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	60.400
		LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	60.400
2	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	NGÃ TƯ TRẦN NẢO - LƯƠNG ĐỊNH CỦA	MAI CHÍ THỌ (NÚT GIAO THÔNG AN PHÚ)	60.400
3	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
4	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
5	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
6	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	26.400
7	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	26.400
8	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	26.400
9	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
10	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	26.400
11	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG AN KHÁNH	26.400
12	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
13	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
14	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
15	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
16	ĐƯỜNG SỐ 14, 15 PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
17	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG AN KHÁNH	KHU DÂN CƯ HIM LAM	35.700
18	ĐƯỜNG SỐ 17, 18 PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	35.300
19	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
20	ĐƯỜNG SỐ 19B, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
21	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		39.300
22	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	39.300
23	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
24	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	39.300
25	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
26	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
27	ĐƯỜNG SỐ 26, 28 PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
28	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
29	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
30	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN	35.700
31	ĐƯỜNG SỐ 30B, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
32	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
33	ĐƯỜNG SỐ 32, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
34	ĐƯỜNG SỐ 33, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN HẢI QUANG	35.700
35	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
		ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
36	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
37	ĐƯỜNG SỐ 36, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
38	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
39	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
40	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
41	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
42	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
43	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG AN KHÁNH	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG AN KHÁNH	35.700
44	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
45	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
46	ĐẶNG HỮU PHỐ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	35.700
47	ĐỖ QUANG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
48	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BÁO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
49	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		32.800
50	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
51	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
52	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
53	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
54	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
55	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
56	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
57	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
58	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	35.700
		TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN BÁ HUÂN	35.700
59	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	32.800
60	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		32.800
61	TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
62	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
63	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	35.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
64	ĐƯỜNG 48, 59 PHƯỜNG THẢO DIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
65	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO DIỄN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
66	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG THẢO DIỄN	XUÂN THỦY	LÊ VĂN MIÊN	34.000
67	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
68	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG THẢO DIỄN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
69	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG THẢO DIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		32.800
70	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 44	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
71	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 55	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
72	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO DIỄN	32.800
73	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
74	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
75	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
76	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO DIỄN	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
77	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG THẢO DIỄN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	34.500
78	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO DIỄN	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO DIỄN	35.700
79	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG THẢO DIỄN (KHU BẢO CHÍ)	THẢO DIỄN, PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
80	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THẢO DIỄN (KHU BẢO CHÍ)	THẢO DIỄN, PHƯỜNG THẢO DIỄN	CUỐI ĐƯỜNG	32.800
81	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG THẢO DIỄN	NGUYỄN Ứ DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
82	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 1, PHƯỜNG THẢO DIỄN	NGUYỄN Ứ DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	36.900
83	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THẢO DIỄN (KHU BẢO CHÍ)	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
84	LÊ THUỐC, PHƯỜNG THẢO DIỄN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO DIỄN	41.300
85	LÊ VĂN MIÊN, PHƯỜNG THẢO DIỄN	QUỐC HƯƠNG	THẢO DIỄN, PHƯỜNG THẢO DIỄN	38.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
86	NGŨ QUANG HUY, PHƯỜNG THẢO DIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO DIỀN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	38.500
87	NGUYỄN BÁ HUÂN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
88	NGUYỄN BÁ LÂN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	XUÂN THỦY	XA LỘ HÀ NỘI	38.500
89	NGUYỄN CỬ, PHƯỜNG THẢO DIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
90	NGUYỄN ĐĂNG GIAI, PHƯỜNG THẢO DIỀN	THẢO DIỀN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
91	NGUYỄN DUY HIỆU, PHƯỜNG THẢO DIỀN	THẢO DIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
92	NGUYỄN Ứ DĨ, PHƯỜNG THẢO DIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	41.300
93	NGUYỄN VĂN HƯỜNG, PHƯỜNG THẢO DIỀN	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO DIỀN (KHU BÁO CHÍ)	CUỐI ĐƯỜNG	60.400
94	QUỐC HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO DIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO DIỀN	55.100
95	THẢO DIỀN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO DIỀN (KHU BÁO CHÍ)	66.900
96	TÔNG HỮU ĐỊNH, PHƯỜNG THẢO DIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO DIỀN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	38.500
97	TRẦN NGỌC DIỆN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	THẢO DIỀN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	46.600
98	TRÚC ĐƯỜNG, PHƯỜNG THẢO DIỀN (KHU BÁO CHÍ)	THẢO DIỀN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	46.600
99	VÕ TRƯỞNG TOÀN	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	49.800
100	VÕ NGUYỄN GIÁP	CHÂN CẦU SÀI GÒN	CẦU RẠCH CHIẾC	66.000
101	XUÂN THỦY, PHƯỜNG THẢO DIỀN	THẢO DIỀN	QUỐC HƯƠNG	66.000
		QUỐC HƯƠNG	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	56.700
102	ĐƯỜNG CHÍNH (ĐOẠN 1, DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 12M - 17M, PHƯỜNG THẢO DIỀN	THẢO DIỀN, PHƯỜNG THẢO DIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
103	ĐƯỜNG NHÁNH CỤT (DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 7M-12M, PHƯỜNG THẢO DIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
104	AN PHÚ, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	42.100
105	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
106	ĐỖ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG - AN PHÚ	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU NAM LÝ	33.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
107	ĐOÀN HỮU TRUNG, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
108	ĐƯỜNG 51-AP	TRỌN ĐƯỜNG		32.000
109	ĐƯỜNG 52-AP	TRỌN ĐƯỜNG		32.000
110	ĐƯỜNG 53-AP	ĐƯỜNG 51-AP	ĐƯỜNG 59-AP	32.000
111	ĐƯỜNG 54-AP	THÂN VĂN NHIẾP	ĐƯỜNG 53-AP	32.000
112	ĐƯỜNG 55-AP	THÂN VĂN NHIẾP	ĐƯỜNG 59-AP	32.000
113	ĐƯỜNG 63-AP	ĐƯỜNG 57-AP	ĐƯỜNG 51-AP	32.000
114	ĐƯỜNG 57-AP	ĐƯỜNG 51-AP	CUỐI ĐƯỜNG	32.000
115	ĐƯỜNG 58-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THÂN VĂN NHIẾP	32.000
116	ĐƯỜNG 59-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THÂN VĂN NHIẾP	32.000
117	ĐƯỜNG 60-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THÂN VĂN NHIẾP	32.000
118	ĐƯỜNG 61-AP	ĐƯỜNG 51-AP	ĐƯỜNG 53-AP	32.000
119	ĐƯỜNG 62-AP	ĐƯỜNG 53-AP	ĐƯỜNG 54-AP	32.000
120	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
121	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 8	42.100
122	ĐƯỜNG 2 (KHU NHÀ Ở 280 LƯƠNG ĐỊNH CỬA), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	42.100
123	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
124	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	40.500
125	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 8	30.400
126	ĐƯỜNG 5, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	32.000
127	ĐƯỜNG 7, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	30.400
128	ĐƯỜNG 8, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	40.500
129	ĐƯỜNG 9, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	28.800
130	ĐƯỜNG 10, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	35.700
131	ĐƯỜNG 11, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
132	ĐƯỜNG 12, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
133	ĐƯỜNG 13, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	36.900
134	ĐƯỜNG 14, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 13, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	30.400
135	ĐƯỜNG 15, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	36.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
136	ĐƯỜNG 16, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	36.900
137	ĐƯỜNG 24, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	28.400
138	ĐƯỜNG 25, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	26.400
139	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	25.500
140	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	25.500
141	ĐƯỜNG 28, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	25.500
142	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	25.500
143	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	THÂN VĂN NHIẾP	CUỐI ĐƯỜNG	27.000
144	THÂN VĂN NHIẾP	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	27.000
145	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	27.000
146	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	27.000
147	ĐƯỜNG SỐ 4 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	27.000
148	ĐƯỜNG SỐ 5 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	THÂN VĂN NHIẾP	27.000
149	ĐƯỜNG SỐ 6 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	27.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
150	ĐƯỜNG SỐ 7 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	27.000
151	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	37.300
152	ĐƯỜNG ĐÔNG TÂY I, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	MAI CHÍ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	40.500
153	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
154	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
155	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
156	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
157	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
158	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	ĐƯỜNG GIANG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	57.500
159	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
160	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000
161	ĐƯỜNG SỐ 3 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG A (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000
162	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000
163	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG F (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
164	ĐƯỜNG SỐ 6 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG G (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000
165	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000
166	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
167	ĐƯỜNG SỐ 9 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
168	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000
169	ĐƯỜNG F (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	45.000
170	ĐƯỜNG G (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG BÌNH KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG BÌNH KHÁNH	47.500
171	ĐƯỜNG 6, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	36.900
172	GIANG VĂN MINH, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	42.100
173	ĐÔNG VĂN CÔNG	MAI CHÍ THỌ	CẦU GIÔNG ÔNG TỐ 2	33.100
		CẦU GIÔNG ÔNG TỐ 2	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	33.100
174	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG DẪN CAO TỐC TPHCM - LONG THÀNH - DẦU GIÂY	CẦU GIÔNG ÔNG TỐ 1	33.100
		CẦU GIÔNG ÔNG TỐ 1	VỖ CHÍ CÔNG	33.100
		VỖ CHÍ CÔNG	PHÀ CÁT LÁI	33.100
175	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NẢO	MAI CHÍ THỌ	41.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
176	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	39.700
177	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	39.700
178	VŨ TÔNG PHAN	NGUYỄN HOÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	39.700
179	TRẦN LỰU	VŨ TÔNG PHAN	CUỐI ĐƯỜNG	39.700
180	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	35.300
181	ĐƯỜNG SỐ 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	CUỐI ĐƯỜNG	35.300
182	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NÃO	NGUYỄN QUÝ CẢNH	35.300
183	THÁI THUẬN	NGUYỄN QUÝ CẢNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.300
184	ĐƯỜNG 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	38.500
185	ĐƯỜNG 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
186	NGUYỄN QUÝ CẢNH	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	38.500
187	ĐƯỜNG 8A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
188	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	THÁI THUẬN	35.300
189	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	VŨ TÔNG PHAN, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	35.300
190	ĐƯỜNG 11 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	35.300
191	ĐƯỜNG 12 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	35.300
192	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	38.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
193	ĐƯỜNG 15 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	35.300
194	DƯƠNG VĂN AN	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
195	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
196	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
197	ĐƯỜNG 18A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
198	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
199	ĐƯỜNG SỐ 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	DƯƠNG VĂN AN	38.500
200	ĐƯỜNG SỐ 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐƯỜNG 16 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
201	ĐƯỜNG SỐ 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	DƯƠNG VĂN AN	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	34.500
202	ĐƯỜNG SỐ 24 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐỖ PHÁP THUẬN	35.300
203	ĐƯỜNG SỐ 25 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐỖ PHÁP THUẬN	35.300
204	ĐƯỜNG SỐ 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỖ PHÁP THUẬN	ĐƯỜNG 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	35.300
205	ĐƯỜNG SỐ 29 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		35.300
206	CAO ĐỨC LÂN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	NGUYỄN HOÀNG	38.500
207	ĐỖ PHÁP THUẬN	CAO ĐỨC LÂN	ĐƯỜNG 32 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
208	BÙI TÁ HÁN	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
209	ĐƯỜNG SỐ 31A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	33.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
210	ĐƯỜNG SỐ 31B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	38.500
211	ĐƯỜNG SỐ 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
212	ĐƯỜNG SỐ 31D (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
213	ĐƯỜNG SỐ 31E (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
214	ĐƯỜNG SỐ 31F (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	38.500
215	ĐƯỜNG SỐ 32 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CAO ĐỨC LÂN	TRẦN LỰU	35.300
216	ĐƯỜNG SỐ 33 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		35.300
217	ĐƯỜNG SỐ 34 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	35.300
218	ĐƯỜNG SỐ 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	35.300
219	ĐƯỜNG SỐ 36 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	35.300
220	ĐƯỜNG SỐ 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	CAO ĐỨC LÂN	35.300
221	ĐƯỜNG 3,5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	22.100
222	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	26.100
		ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	26.100
223	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	26.100
		ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
224	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	22.100
225	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.100
226	ĐƯỜNG 10, 11, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
227	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	24.100
228	ĐƯỜNG 13,15,16 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
229	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
230	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
231	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
232	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
233	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
		ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	22.100
234	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	22.100
235	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
236	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
237	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	22.100
238	ĐƯỜNG 27, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	22.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
239	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
240	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
241	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
242	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	22.600
243	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	23.100
244	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CÔNG TY THỦ THIỆM	23.100
		KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
245	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	23.100
246	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	22.600
247	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.100
248	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	23.800
249	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
250	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN ĐÓN TIẾT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	18.600
251	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	21.100
252	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.800
253	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
254	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.100
255	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.600
256	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	27.100
257	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	24.100
258	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 52, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	30.100
259	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
260	ĐƯỜNG 53, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	27.100
261	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	27.100
262	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐỖ XUÂN HỢP	CUỐI ĐƯỜNG	27.100
263	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
264	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 53, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
265	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
266	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	27.100
267	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY THÁI DƯƠNG - CTY SÀI GÒN MÙA XUÂN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		31.100
268	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), P. BÌNH TRUNG ĐÔNG, P. BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	33.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
269	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	31.100
270	ĐƯỜNG SỐ 6 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	31.100
271	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	31.100
272	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	27.100
273	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
		HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	24.100
		ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	21.100
274	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.800
275	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	14.900
276	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	BÁT NÀN	27.700
277	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	20.100
278	ĐƯỜNG 53-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	25.100
279	BÁT NÀN	ĐÔNG VĂN CỐNG	CUỐI ĐƯỜNG	25.100
280	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
281	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGUYỄN TU NGHIÊM	26.100
282	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO	ĐƯỜNG 47-BTT	ĐƯỜNG 53-BTT	25.100
283	ĐƯỜNG 47-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	25.100
284	ĐƯỜNG 48-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	25.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
285	ĐƯỜNG 49-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	25.100
286	ĐƯỜNG 50-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO	25.100
287	ĐƯỜNG 51-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO	25.100
288	ĐƯỜNG 52-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	25.100
289	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		14.900
290	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
291	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
		ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
292	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
293	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	26.100
294	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
295	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIÔNG ÔNG TỐ	22.100
296	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	20.100
297	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
298	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	20.100
299	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	20.100
300	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	20.100
301	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	22.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
302	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
303	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	18.600
304	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ HỮU KIỀU	20.100
305	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	22.100
306	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
307	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI - PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
308	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	22.100
309	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
310	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	NGUYỄN DUY TRINH	20.100
311	ĐƯỜNG 36, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	20.100
312	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	20.100
313	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	22.100
314	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	26.100
315	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	17.600
316	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	CUỐI ĐƯỜNG	20.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
317	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	CUỐI ĐƯỜNG	20.100
318	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	20.100
319	ĐƯỜNG SỐ 26, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	22.100
320	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		22.100
321	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	18.600
322	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	CUỐI ĐƯỜNG	18.600
323	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	28.700
324	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU GIÔNG ÔNG TỐ 1	CẦU XÂY DỰNG	33.100
325	NGUYỄN TƯ NGHIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN TUYẾN	24.300
326	NGUYỄN TUYẾN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		24.300
327	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	TRỊNH KHẮC LẬP	27.000
328	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	27.000
329	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		21.700
330	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	18.300
331	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	24.700
332	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐỒNG VĂN CÔNG	THÍCH MẬT THÈ	22.300
333	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	24.700
334	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐỒNG VĂN CÔNG	22.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
335	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	18.300
336	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
337	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	21.000
338	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
339	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
340	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
341	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
342	THANH MỸ LỢI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	24.700
343	THÍCH MẬT THÈ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐÔNG VĂN CÔNG	26.400
344	TRỊNH KHẮC LẬP, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐÔNG VĂN CÔNG	27.600
345	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	20.000
346	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	18.300
347	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	21.700
348	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI - PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	21.700
349	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
350	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
351	ĐƯỜNG 12,13, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		18.900
352	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	23.800
353	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	23.800
354	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	25.300
355	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	22.800
356	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ VĂN THỊNH NÓI DÀI	20.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
357	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	18.600
358	LÊ PHỤNG HIỆU, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CẢNG CÁT LÁI	18.600
359	LÊ VĂN THỊNH NỐI DÀI, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÊ VĂN THỊNH -ĐƯỜNG 24	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	25.300
360	LÊ ĐÌNH QUẢN, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	23.800
361	NGUYỄN ĐỖN TIẾT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		20.100
362	HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	28.600
363	ĐƯỜNG 52-TML	BÁT NÀN	LÊ HIẾN MAI	33.200
364	ĐƯỜNG 54-TML	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	33.200
365	ĐƯỜNG 55-TML	BÁT NÀN	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	33.200
366	ĐƯỜNG 56-TML	ĐƯỜNG 52-TML	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
367	ĐƯỜNG 57-TML	ĐƯỜNG 52-TML	ĐÔNG VĂN CÔNG	33.200
368	ĐƯỜNG 58-TML	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML	34.000
369	ĐƯỜNG 59-TML	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
370	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÔNG TY HUY HOÀNG - 174HA, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		33.200
371	ĐƯỜNG 60-TML	LÊ HIẾN MAI	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
372	ĐƯỜNG 61-TML	ĐƯỜNG 62-TML	ĐƯỜNG 60-TML	33.200
373	ĐƯỜNG 68-TML	TRỌN ĐƯỜNG		33.200

22

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
374	ĐƯỜNG 62-TML	NGUYỄN THANH SƠN	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	34.000
375	ĐƯỜNG 64-TML	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML	34.000
376	ĐƯỜNG 67-TML	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	32.000
377	ĐƯỜNG 69-TML	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
378	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M – KDC CÁT LÁI 152,92HA	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
379	ĐƯỜNG 43-CL	ĐƯỜNG 71-CL	ĐƯỜNG 69-CL	23.500
380	ĐƯỜNG 57-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	17.600
381	ĐƯỜNG 60-CL	TRỌN ĐƯỜNG		21.900
382	ĐƯỜNG 65-CL	ĐƯỜNG 39-CL	ĐƯỜNG 57-CL	21.900
383	ĐƯỜNG 66-CL	ĐƯỜNG 39-CL	ĐƯỜNG 57-CL	21.100
384	ĐƯỜNG 69-CL	TRỌN ĐƯỜNG		25.000
385	ĐƯỜNG 70-CL	ĐƯỜNG 57-CL	DỰ ÁN CÔNG TY CP XD SÀI GÒN	23.500
386	MAI CHÍ THỌ	HÀM SÔNG SÀI GÒN	NÚT GIAO CÁT LÁI - XA LỘ HÀ NỘI	66.000
387	ĐƯỜNG 10A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.300
388	ĐƯỜNG SỐ 12A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	35.300
389	ĐƯỜNG SỐ 27A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 26 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	35.300
390	ĐƯỜNG SỐ 43-BTT	LÊ VĂN THỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	25.800
391	ĐƯỜNG SỐ 44-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		21.800
392	ĐƯỜNG SỐ 45-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		21.800
393	PHAN VĂN ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CỘNG	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	38.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
394	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	38.900
395	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÊ HỮU KIỀU	CUỐI ĐƯỜNG	38.900
396	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	BÁT NÀN	CUỐI ĐƯỜNG	38.900
397	NGUYỄN THANH SƠN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	38.900
398	LÊ HIỀN MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	38.900
399	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	38.900
400	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 103-TML	38.900
401	NGUYỄN ĐỊA LỖ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
402	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	SỨ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	38.900
403	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐÔNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	38.900
404	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRỌN ĐƯỜNG		34.000
405	NGUYỄN MỘNG TUÂN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
406	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	38.900
407	NGUYỄN QUANG BẬT, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	PHẠM HY LƯỢNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	34.000
408	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	38.900
409	PHẠM THẬN DUẬT, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	32.000
410	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	NGUYỄN TRỌNG QUÂN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	31.600
411	PHẠM HY LƯỢNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	31.600
412	PHẠM ĐÔN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	32.000
413	NGUYỄN TRỌNG QUÂN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	31.600
414	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		31.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
415	QUÁCH GIAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	31.600
416	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		31.600
417	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	20.100
418	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐỒ XUÂN HỢP	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
419	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐỒ XUÂN HỢP	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
420	ĐƯỜNG 41-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 44-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 45-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
421	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
422	ĐƯỜNG 43-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
423	ĐƯỜNG 44-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	24.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
424	ĐƯỜNG 45-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
425	ĐƯỜNG 46-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
426	ĐƯỜNG 47-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
427	ĐƯỜNG 48-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	24.700
428	ĐƯỜNG 49-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
429	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	24.700
430	ĐƯỜNG TRÔNG DỰ ÁN CÔNG TY CARIC	TRỌN ĐƯỜNG		35.700
431	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	27.100
432	ĐƯỜNG 52, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		27.100
433	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600
434	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
435	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	25.600

(Xem tiếp Công báo số 423 + 424)